SỐ 17 : NGÀY 16 JUILLET 1942

THANH-NGHỊ

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

CHỦ-NHIỆM: VŨ ĐÌNH-HÒE

TRONG SỐ NÀY :

— Giáo-dục vì nhân-sinh và khoa rèn đúc tính-khí — VŨ ĐÌNH-HÒE

— Những bước tiến-bộ của khoa vật-lý học trong 40 năm cận-đại — NGUỴ-NHƯ KONTUM

— Kim Vân Kiều truyện với sách Tài tử — ĐÀO DUY-ANH

— Những nguyên-nhân sự tăng giá hàng hóa ở Đông-dương từ hồi có chiến tranh — ĐỖ ĐỨC-DỤC

— Kỷ niệm Phan-thiết *(bài nối)* — ĐINH GIA-TRINH

— Thạch-Lam — tức NG. T. LÂN

— Danh văn ngoại quốc — DIỆU-ANH

— Âm nhạc lối hát ả-đào — NG. XUÂN-KHOÁT

— « Bốn chữ » trong văn-chương Việt-nam và lối « tá âm » trong văn-chương Pháp — VŨ BỘI-LIÊU

— Việc quốc tế — V. H.

— Đứa con *(truyện dài)* — ĐỖ ĐỨC-THU

TÒA BÁO : 102 PHỐ HÀNG BÔNG HANOI. GIÂY NÓI 672. GIÁ : 0$25

GIÁO-DỤC VÌ
KHOA RÈN

KHOA giáo-dục chủ ở Lý-trí, chuyên việc trau-dồi trí-thức, không rèn luyện tâm-hồn, đã gây một nền học vấn hư văn, phù phiếm lý thuyết suông, không liên lạc với thực tế, — đã đưa cá-nhân đến tình-trạng suy nhược về tinh-thần, và đưa đoàn-thể vào một đời sống uể oải, — đã reo rắc bệnh Dịch LƯỜI *trong dân gian (1).*

Nó đã gây cái Họa trí-thức *mà hiệu quả đã quá rõ với cuộc chiến tranh hiện thời.*

Phải thay đổi hẳn quan-niệm về giáo-dục. Phải xây dựng giáo-dục trên những nền móng khác.

Lý-do của giáo-dục không phải là phụng-sự Học-thuật. Mục-đích giáo-dục không phải để làm thỏa mãn óc ham hiểu biết của loài người (2).

Mục-đích giáo-dục là rèn luyện cá-nhân thành những phần-tử đủ điều-kiện để hoạt-động, để phấn-đấu — trong ngoại-giới và nội-giới —, để SỐNG, biết sống và sống mạnh mẽ, trong địa-hạt vật chất và trong địa-hạt tinh-thần, — một cách có lợi cho mình và cho Đoàn-thể.

Cứu-cánh của giáo-dục là NHÂN-SINH. *Một nền giáo-dục vững-vàng phải là một nền GIÁO-DỤC VÌ NHÂN-SINH, chứ không thể là « Giáo-dục vì học-thuật » nó là một chuyện phi lý và một sự vô cùng nguy hiểm.*

Vậy phương-pháp giáo-khoa tất nhiên không phải là mở mang trí-thức vì nguyên-động-lực chi-phối sự hoạt-động và điều khiển đời sống của cá-nhân và Đoàn-thể không phải là lý-trí, mà là những ham muốn cao thượng và đê hạ hữu-giác và tiềm-thức. Phương-pháp của nền « giáo-dục vì nhân-sinh » là :

RÈN ĐÚC TINH-KHÍ

Tinh-khí kết bởi sự tổng hợp hết thảy những dục vọng, khuynh hướng và năng khiếu thuộc về thể-chất tinh-thần và tâm-hồn của một người. Rèn đúc tinh-khí tức là luyện những năng lực chỉ huy sự hành động của cá-nhân. Rèn đúc tinh khí tức là luyện cho cá-nhân một bản lĩnh mạnh và trong sạch.

Tinh-cách của nền giáo-dục vì nhân-sinh hoạt-động, thiết thực cũng gốc ở nhân-bản nhưng không chủ ở lý-trí mà chủ ở TINH KHÍ, *không đứng ngoài cuộc đời để phụng-Học-thuật, mà liên-lạc với cuộc đời để phụng sự Nhân-sinh bằng Học-thuật.*

Học vấn chỉ là phương-tiện của giáo-dục. Hoạt động mới là cứu-cách của nó. Vì hoạt-động Sống.

Học để hành.

∴

Nền học căn bản *không phải là nền « phổ thông trí-thức » mà lấ nền học* « Rèn luyện tinh-khí *(formation du caractère).*

Trong nền học căn-bản đó, Đức-dục chiế phần quan-yếu : gây cho cá-nhân một tâm-hồ mạnh, một nhân-cách đứng đắn, một cốt-cách quân-tử, một khí-tiết trượng-phu, không những bằng bài học mà còn bằng hoàn cảnh đạo đức và sự thực hành.

Trong nền giáo-dục chủ ở lý-trí, cũng có những giờ luân-lý. Nhưng đó chỉ là một lối che mắt, một trò đùa. Đức-dục ở đó là một khoa bị hi sinh : số giờ ít, lối dậy chuyên về lý thuyết, một lý thuyết thô sơ và không ăn nhập với cuộc đời.

Trong nền học ; « rèn luyện tinh-khí », thể-dục *cũng giữ một địa-vị quan-trọng. Thân-thể cường tráng để tâm hồn cứng mạnh.*

Thể-dục lại là phương-pháp luyện tinh-thần quen với khó nhọc, cố gắng, gây sức chịu đựng, bền gan, chí phấn-đấu, hoạt-động.

Thể-dục không hẳn thiếu trong nền học phổ-thông của khoa giáo-dục chỉ về lý-trí. Nhưng môn đó cũng bị hi sinh : số giờ ít, không ở trong chương-trình thi cử (trừ một vài trường-hợp lẻ loi), lối dậy không có phương-pháp và tổ-chức.

Trong nền học căn-bản của khoa giáo-dục chủ ở tinh-khí, trí dục *cũng soay về một chiều*

(1) Xem bài « Trạng-sĩ đạo » trong T. N. số 13.

(2) Xem bài kỳ trước : « Một nền giáo-dục bị lung-lay...

NHÂN-SINH VÀ
ỨC TÍNH-KHÍ

VŨ ĐÌNH-HÒE

là rèn-luyện tâm hồn. *Những môn dậy : lịch-sử, văn-chương, triết-học, cổ-điển và cận-đại, khoa-học, mục-đích không là trau-dồi trí thức mà rèn-luyện nhân-cách. Ở đây, trí nhớ không cần bằng óc suy nghĩ. Những giờ học bài không nhiều bằng những giờ trầm tư. Sự hiểu biết minh phải đặt trên sự hiểu biết ngoại-vật. Những môn khoa-học nhiều và phức-tạp trong chương-trình của nền học phổ-thông, chỉ chiếm ở đây một địa phận nhỏ đối với những môn học NHÂN-BẢN. Với lối giáo-dục này, tất nhiên sự hiểu biết ngoại-vật không được rộng rãi. Song đó không phải là một khuyết điểm đáng lo vì sự hiểu biết rộng chỉ là một thứ đồ trang sức, chứ không cần cho cuộc đời và sự hoạt-động của cá-nhân. Một tinh-khí được nung-rèn, một bản-lĩnh chắc-chắn mới là cốt-yếu.*

Vả lại, ở thế-kỷ này, một người đã có bản-lĩnh mà muốn hiểu biết sự vật thêm, sẽ tìm ngay được những phương-tiện dễ dàng để tự trau-dồi trí-thức : đọc sách báo, xem chớp bóng, nghe diễn-thuyết, du-lịch, đàm luận, nhận xét cuộc đời...

Trong chương-trình của khoa « rèn-đúc tinh-khí » còn có một phần mà người ta không thấy trong nền « phổ-thông học-thức ». Đó là phần rèn luyện những năng lực hoạt-động *của cá nhân bằng những môn thủ công, những tổ-chức điều-khiển có tính-cách thể-thao, giải-trí hoặc từ-thiện hay xã-hội vân vân...*

Ngoài chương-trình áp dụng ở trường học, khoa « giáo-dục tinh-khí » còn tổ-chức sự huấn-luyện thanh-niên ngoài học đường, *vì chính ở đó, cá nhân mới hoạt-động nhiều và tinh-khí mới phát triển đậm-đà. Giáo-dục sẽ không có kết-quả mấy, hay lại có kết-quả trái ngược nếu cá-nhân bị bỏ lửng ngoài học đường với một trí óc bỡ ngỡ và những dục-vọng sôi nổi.*

∴

Ngoài cái học căn-bản là rèn-đúc tinh-khí, mục-đích gây cho cá-nhân những điều-kiện gốc tối cần để hoạt-động một cách có lợi cho đời Sống, nền giáo-dục vì Nhân-sinh phải luyện cá-nhân về riêng một ngành hoạt-động, *vật-chất hoặc tinh-thần.*

Về phương-diện vật-chất ở thế-kỷ này mà sự tranh sống rất gay go trong một nền kinh-tế rất phức-tạp, cá-nhân cần phải biết tường tận một nghề mới chống lại được với luật đào thải và hưởng một đời sống rồi rào. Những môn học chuyên-nghiệp cần phải tổ-chức rất sớm, ngay từ những bực dưới, theo nhu-cầu, tài năng và hoàn-cảnh từng người, thay đổi theo từng địa-phương và xếp đặt thành đẳng-cấp có thống-hệ lên tới các bậc chuyên-môn về kỹ-thuật.

Ở phương-diện tinh-thần học-thuật nhân loại đã tiến rất xa, sự hoạt-động của cá-nhân về trí óc trong địa hạt khoa-học, tư-tưởng hay văn-chương chỉ có những kết-quả đáng kể khi được luyện chu đáo về riêng một khoa nào hoặc một nhánh trong khoa đó.

« Giáo-dục vì nhân sinh » có chức vụ phải gây một học vấn mà cá nhân đem áp dụng để giúp vào đời sống vật-chất hoặc tinh-thần của mình và của đoàn-thể. Cho nên học vấn, trong nền giáo-dục này, cần phải chia thành nhiều ngành ngay từ các bậc học dưới để thanh-niên có thì giờ và đủ sức trau-dồi trong một khoa hợp với tài-năng và chí-hướng của mình.

Trong nền « giáo-dục vì học thuật » những ban học chuyên-khoa chỉ thiết lập ở các bậc cao đẳng khi thanh-niên đã qua bậc học phổ-thông, nền học căn-bản nó chiếm một quãng khá dài trong đời học-sinh. Trong khoa giáo-dục chủ về lý-trí, nền học chuyên-nghiệp bị hi sinh. Nó đứng biệt lập ngoài nền học căn-bản (nền học phổ-thông học-thức ») và không được coi ngang hàng.

Cái học vấn sớm chuyên-khoa trong nền « giáo-dục vì nhân sinh », người ta sợ nó có cái hại là giam hãm tinh-thần trong một phạm-vi nhỏ hẹp, gây cho cá-nhân một ý-thức nông cạn về sự vật có khi làm co dúm tinh-thần về một chiều vì đã lôi cuốn hết những ý-niệm về sự tương đối và cân-xứng.

(Xem trang sau)

Cái hại đó có thể có được. Song cũng không nên nghĩ quá. Trước hết, trong nền học căn-bản của khoa « giáo-dục vì nhân sinh », về phần trí-dục, những môn dạy không chủ ở « nhồi sọ » mà ở « rèn óc phán-đoán ». Sau nữa, cái học chuyên khoa đầy đủ cái sức chuyên chú mạnh-mẽ của trí não, có phương-pháp và quy-củ, vào một ngành học nào, sự hiểu biết sâu xa về ngành đó, có thể mở cho tâm-trí những con đường đưa tới những địa hạt tinh-thần khác. Một người thông minh và có học vấn chắc chắn về một khoa thường có thể đi dễ dàng từ địa phận của mình sang những nơi không từng quen biết, tỏ ra một óc thích nghi và khoáng đạt. Vả lại cái hại trên kia dù có đi nữa, một người được luyện chu đáo về một khoa sẽ hoạt-động có kết-quả trong địa-hạt của họ Quan-niệm về sự-vật có thể vì thế mà hẹp hòi. Song họ được sống mạnh mẽ và rồi rào về một mặt nào: còn hơn những người có học vấn phổ-thông, về khoa gì cũng biết đôi chút, nhưng rất lúng túng khi phải hoạt-động vì chẳng giỏi hẳn về một khoa chi cả!

Tuy nhiên, trong vài ngành hoạt-động, học vấn phổ-thông được ứng dụng có kết-quả vì những ngành hoạt-động này cần đến những « ý-tưởng bao-quát », cùng với một bản-lĩnh mạnh: đó là những công việc điều-khiển và tổ-chức nhất là trong sự hoạt-động về chính-trị.

Vậy, trong nền giáo-dục chủ ở tinh-khí cũng phải để chỗ cho cái học phổ-thông cần đến ở vài ngành hoạt-động. Không có gì là mâu-thuẫn với những nguyên tắc của khoa giáo-dục đó. Vì « phổ-thông học-thức » ở đây chỉ ứng dụng trong vài trường-hợp chứ không dựng thành nền học căn-bản; nó thuộc vào chương-trình chuyên-khoa của nền giáo-dục này. Không những thế, nó còn hợp với quan-niệm « Giáo-dục vì Nhân sinh », vì ở đây học thức phổ-thông không còn giữ cái tính-cách đặc biệt của nó là một nền « học thuật vì học thuật ». Ở đây, học vấn, dù là học vấn phổ-thông, chỉ là một phương-tiện để ứng dụng trong những hành động của cá-nhân. Vả lại trong những công việc cần đến nó, « phổ-thông học-thức » không phải là nguyên-động-lực chi-phối sự hoạt-động; nguyên động-lực đó bao giờ cũng là cái bản-lĩnh trong sạch và mạnh mẽ đã được rèn luyện do một nền giáo-dục chủ ở Tinh-khí.

Một nền giáo-dục mà chức-vụ là « Phụng-sự Nhân sinh », có phải vì các tính-cách thực dụng đó, mà không rèn-cập cá nhân trong công việc sáng tác và khảo cứu vô tư thuộc về văn-chương, tư-tưởng khoa-học, nghệ-thuật?

Muốn giả nhời câu hỏi đó, trước hết cần phải giải rõ mấy chữ: « phụng-sự nhân-sinh » là thế nào. Giáo-dục vì nhân-sinh luyện cá-nhân thành kẻ « nhân giả », trái lại với giáo-dục vì học-thuật luyện cá nhân thành kẻ « trí-giả ».

Về phương-diện vật-chất, để phụng-sự Nhân sinh, người « Nhân giả » ứng dụng sở học và hoạt-động để gìn giữ và làm cường thịnh đời sống sinh lý và kinh-tế của mình, gia-đình và xã-hội.

Về phương-diện tâm-hồn, để phụng-sự Nhân-sinh, kẻ « Nhân-giả » ứng dụng đạo-lý để sửa mình và hóa người, kiềm-chế những dục vọng hạ cấp và làm nảy nở những dục vọng thượng đẳng của mình và của người thành những hành động hợp lý và thanh cao.

Về phương-diện tinh-thần, để phụng-sự Nhân sinh, kẻ « Nhân giả » hoạt động để gây một đời sống tinh-thần phong phú cho mình và cho Đoàn-thể, vun đắp nền văn-hóa của nước và gia sản học vấn của nhân-loại.

Vậy công việc sáng tác và khảo cứu vô tư là một phần trong chương-trình giáo khoa của nền giáo-dục vì Nhân-sinh. Đời sống của Người có phải chỉ là đời sống sinh lý như cỏ cây và súc vật. Đời sống tâm-hồn và tinh-thần mới là phần quan-trọng. Cho nên giáo-dục vì nhân sinh phải luyện mạnh-mẽ cả đời Sống sinh-lý, tâm-hồn và tinh-thần của cá-nhân.

Sống là hoạt-động. Vậy, nói khác đi, giáo-dục vì nhân-sinh luyện sự hoạt-động của Người trong đời vật-chất, tâm-hồn và tinh-thần. Hoạt-động có phương-pháp, có tổ-chức để đời sống cá-nhân và đoàn-thể bền vững và tiến-hóa.

Muốn hoạt-động như thế, phải có một Bản-lĩnh mạnh và trong sạch, một Tinh-khí đã được nung rèn, vì tinh-khí là sự tổng hợp những dục vọng khuynh hướng và năng khiếu chi phối tất cả những hành vi trong đời vật-vhất, tâm-hồn và tinh-thần của cá-nhân và đoàn-thể. Cho nên nền giáo-dục vì nhân-sinh lấy khoa rèn đúc tinh-khí làm căn-bản, vì đã lấy sự hoạt-động, sự sống làm mục-đích.

Đấy là tính-cách thực-dụng của khoa giáo-dục vì nhân-sinh.

(Xem tiếp trang 25)

NHỮNG BƯỚC TIẾN BỘ CỦA KHOA VẬT-LÝ-HỌC TRONG 40 NĂM CẬN ĐẠI

I

KHOA-học gần đây hình như được toàn-thể quốc-dân rất chú-ý, nhưng phần nhiều chú-ý vì những cái không đáng mừng nhất. Từ ngày văn-hóa người Âu-Tây du-nhập dân ta đã được mục-kích nhiều cái ứng dụng gần như ảo-thuật, của Khoa-Học cao-siêu của họ. Đến nay, khi gián-tiếp lúc trực-tiếp, người ta đã được tỏ-tường về bao nhiêu kết quả khốc hại của Khoa-Học ; nào máy bay, tàu chiến, nào thủy-ngư-lôi, nào trái-phá, khí ngạt không có một phát-minh nào chịu kém về mặt tàn-phá đến cả tính mệnh sinh-linh cũng xem như cây cỏ.

Những vũ-công ấy đã làm cho nhiều người có chút lòng bác-ái, ngờ-vực cho sự tiến-bộ của loài người, hoài-nghi rằng giống sinh-vật ấy đã đến ngày thoái--bộ chăng. Vậy thì tôi không thể mà cũng không dám dựa vào đấy mà bảo là khoa vật-lý-học tiến bộ được.

Nhưng, trong lúc những hàng-ngũ bác-vật, kỹ-sư, kỹ thuật đua nhau tiếp-xúc để cho cái thuật hủy-hoại càng ngày càng « hoàn-mỹ » cũng có một nhóm người, yên-lặng trong những buồng thí-nghiệm không-khí nhu-hòa, đã cố gắng cho sự tinh thộng của loài người về vạn vật được sâu-xa hơn. Theo bước những nhà bác học ấy, chúng ta ít nữa cũng an-ủy được rằng tinh-thần của loài người cũng chưa đến nỗi suy-đồi, và đồng loại của chúng ta cũng còn một số đông biết tìm sự khoái-lạc trong những công việc không lấy trục lợi làm đích. Không đâu bằng ở Khoa Vật-lý-học trong bốn mươi năm về sau này, ta sẽ được chứng-kiến một cuộc tiến-bộ, hơn nữa, một cuộc cải-tạo tinh thần hiểu biết vạn vật. Cũng vì vậy, muốn hiểu qua loa một vài điều cần thiết về sự cải tạo ấy cần phải có một vài cương-yếu hơi rắc-rối, và phải chịu khó để theo những lối lập-luận rất phức-tạp.

■

NGUY-NHƯ KONTUM

Cũng như tất cả các khoa học về vạn-vật, khoa vật-lý-học cần phải có thí-nghiệm, nghĩa là cần có những cuộc biến-đổi mà nhà bác-học tự-ý gây nên để tiện dò-xét. Nhờ đấy, nhà Vật lý-học ghi-chép được rất nhiều hiện-tượng, trường-hợp nó xảy ra, và tình trạng lúc nó đang tiến-hành. Nhưng nếu chỉ có thế thì nhà Khoa-học cũng chưa đạt được mục-đích là hiểu biết ngoại-vật. Còn cần phải giảng hiện-tượng bằng định-lý hẳn-hoi, và nếu đi cao lên một bậc nữa, phải thu-góp tất cả định-lý vào một học thuyết bao-quát được một khu khá rộng, nếu khong toàn-thể vũ-trụ, Rồi từ lý-thuyết, nhà Khoa-Học có thể suy đoán ra những qui-kê mới, từ-bước nọ sang bước kia, hiểu biết thêm dần. Lịch-sử Khoa học là một chuoi dài kết bằng sự tác-dụng thỏa thuận của thí-nghiệm và lý-thuyết. Nhờ sự hợp tác của hai phong-pháp ấy mà ngày nay Khoa-học đã đến cái trình độ hiện tại rất lạc-quan.

Chúng ta thử nhắc lại những bước đường quá khứ của Khoa-học, để càng rõ thêm cái rực rỡ của bước đường mới. Trải mấy thế-kỷ tiến-bộ lúc nhanh lúc chậm, Khoa-Học vào thê kỷ thứ 19 đã đến một trình độ tối cao và đã có thể hiểu biết được một cách gần hoàn-hảo về tất cả những « hiện-tượng đại-đề » nghĩa là hiện-tượng mà ta có thể trông bằng mắt thường, hoặc xét bằng tri tài giác thông thường. Những hiện-tượng thuộc về cách cử-động hoặc thế thăng bằng của các vật thì có môn *Cơ giới học* ; những hiện-tượng thuộc về thanh-âm thì có môn *Âm-hưởng-học* ; còn những hiện-tượng có can hệ đến ánh sáng thì môn *Quang-học* đa lần lượt phát minh ra tất cả định l ý. Đến cuối thế kỷ thứ 19 hầu hết các điều cót yếu về mấy môn trên này đã được Khoa Học giải ro. Trong thời kỳ ấy, vậy lý-học cung định đoạt được gần

tất cả quy-luật của hai môn mới: môn *Điện-học* chuyên về những hiện-tượng có can hệ đến điện-khí và môn *Nhiệt-lực-học* chú trọng về tất cả biến-động của Vật-chất nhất là những biến-động có phát nhiệt-hàn.

Ứng-dụng những điều hiểu biết tinh tường về các môn ấy, bác-học và kỹ-thuật-sư đã phát minh và chế tạo ra biết bao máy móc và khí-cụ tinh-xảo làm cho đời vật-chất càng dồi-dào: từ động-cơ chạy bằng hơi nước cho đến chiếu-ảnh, vô-tuyến điện-thoại. những sáng-tác gần như quỷ- huật ấy ngày nay không còn ai là không biết nữa mà cần phải kể cho rườm.

Vậy thì, về những « hiện-tượng đại-đề », tuy chúng ta chưa có thể nói được rằng đã hiểu rõ tinh-tường từng ly từng tý, nhưng khoa-học cũng có thể tin rằng những điều cốt yếu đã phát minh ra hết rồi. Còn chăng cũng còn một ít tiểu-tiết. Từ đầu thế kỷ thứ 20, các nhà bác-học sưu-tầm về Vật-lý-học đã lần-lượt xa-lảng những vấn-đề ấy để chuyên tâm vào những vấn đề thuộc về một loại hiện-tượng tinh-vi hơn, và cần phải một kỹ-thuật riêng mới khảo-sát được: ấy là các hiện-tượng thuộc về phân-tử, nguyên-tử hoặc nội nguyên-tử. Đến đấy, trí suy-xét của loài người đã đến thời-kỳ tinh-vi vô cùng, chưa lấy làm hài lòng rằng đã hiểu hết được then máy những cuộc biến hóa ta thường xét, như những phản-ứng giữa vật-chất và ánh-sáng, vì đó mà tổng-thể của hằng-hà sa-số cuộc xung-đột nhỏ, cũng như ta đứng trên cầu mà trông xuống giòng nước cuồn cuộn từ trên thác đổ xuống. Ta nom được một cảnh-tượng đầy hùng vĩ, từng khối nước vầy vùng lộn xuống nhào lên theo những định lý mà ta có thể tra cứu được. Nhưng bây giờ tinh thần chúng ta vì tấn-bộ thành khó tính hơn, muốn phân-tích từng cử động của từng giọt nước, để biết làm sao đến lúc tổng cộng lại thì thành ra cái biểu-diện lúc nãy mà ai cũng có thể xem xét được. Nói về phương diện vật-lý-học, đấy tức là những phần nhỏ nhất trong vật chất, vá phải nhiều lắm mới cấu-tạo được một thể vật-chất trí-giác ta có thể cảm thấy được.

II

Quan-niệm về phân-tử và nguyên-tử của vật-chất xuất-hiện rất sớm, và đã thịnh-hành từ 4, 5 thế-kỷ trước T. C. G. S. ngay lúc mấy bậc hiền-triết Hy-lạp bắt đầu dạy Triết-lý ở bên bờ bể Egée. Vì nó là một quan-niệm tối sơ về kiến trúc của vật-chất. Ta thử nghiệm xem một hạt muối hòa trong cốc nước truyền tinh mặn cho tất cả cốc, dù trích ra một trong trăm nghìn giọt nước mà cốc nước gồm có. Cũng như chỉ cần có một vết xạ-hương cũng đủ để cả trong một căn phòng rộng-rãi ta có thể hằng ngày bắt thấy mùi xạ, dù là ta không muốn hít mạnh không khí. Vậy thì ta phải tin rằng hột muối có thể phân ra từng trăm nghìn triệu triệu mảng nhỏ để lẫn-lộn vào với nước, chỗ nào cũng có ít nhiều một cách đều đều. Và chất xạ cũng phải phân ra hằng triệu mảnh nhỏ và nhẹ bay khắp trong không khí để dù chỗ nào, hít không khí vào mũi người ta phải hít vào một mớ xạ đủ cho tri-giác cảm thấy mùi thơm.

Nhưng sự phân-tách vật-chất ra từng mảnh nhỏ ấy không thể lặp đi lặp lại mãi mãi, vì những mảnh chia ra không thể nhỏ đến mất đi được. Vậy thì đến cuối cùng, sự phân-chia vật-chất ấy phải dừng lại, lúc chúng ta đã chia thành mảnh nhỏ nhất. Những mảnh nhỏ nhất ấy, không thể chia-xẻ ra được nữa cố nhiên là phải giống nhau, rất nhiều mảnh như thế họp lại mới thành được một hột muối nhỏ, chẳng hạn. Mảnh ấy, ta sẽ theo người Tàu mà gọi nó là « *phân tử* » của một chất, chất muối nếu ta lấy muối.

Kinh-nghiệm và sự hiểu biết của người xưa chỉ đến thế thôi. Về sau, các nhà Hóa-học đã nghiệm được rằng trong mấy ức triệu chất tìm ra ở vũ-trụ có rất nhiều chất gọi là « *chất kép* » nghĩa là phép phân tinh hóa-học có thể phân ra thành hai hoặc ba, bốn.... chất khác gọi là « chất đơn ». Những chất đơn như thế, Hóa-học sưu tầm kỹ-lưỡng đã nghiệm rằng chỉ có 92 thứ mà thôi gọi là 92 nguyên-tố. Còn bao nhiêu chất khác thảy đều là cấu-tạo bằng nhiều ít nguyên-tố khác nhau hợp lại mà thành ra.

Vậy thì bây giờ, nếu chúng ta nhìn về phân-tử của một chất kép như chất muối, mà suy xét về phép phân-tích hóa-học, thì chúng ta phải công nhận rằng phân-tử của một chất kép chưa hẳn là mảnh nhỏ nhất của chất ấy, vì phép phân tích có thể chia ra thành hai, hay nhiều mảnh chất đơn. Những mảnh sau này chúng ta sẽ gọi nó là *nguyên-tử* của chất đơn. Và nhiều nguyên-tử chất khác nhau, ghép lại thành một phân-tử của chất kép.

Thuyết ấy gọi là « thuyết nguyên-tử » không những đã giúp cho Hóa-học tấn-bộ một cách

mau chóng, mà còn thâu nhập sâu xa vào các chi-nhánh của khoa vật-lý. Thí-dụ như chất hơi, còn nhiều tính cách đặc biệt dễ ép và dễ giãn, có thể coi như gồm bằng vô ngàn phân-tử không quan-hệ gì với nhau, và luôn luôn vận-động từ chỗ này sang chỗ khác. Nếu bỏ một thể hơi vào trong cái bình kín, tất nhiên các phân-tử vì luôn luôn vận-động sẽ luôn luôn đến đập mạnh vào thành bình, sinh ra áp-lực nơi thành bình. Khoa-học đã có thể lường được số phân-tử ở trong một lít hơi (số ấy lớn vô ngần: 27×10^{21}. Nếu lấy ngần ấy hột cát, tính trung bình mỗi hột khối là một phân vuông xếp lại không để lỗ hở nào cả, thì được một khối vuông ba bề giải 30 cây số, nghĩa là đủ để vùi cả hai thành Hà-nội và Hà-đông dưới một lớp cát cao bằng 10 núi Thái-sơn!), lường được cả độ nhanh của các phân-tử (từ 500 đến 2000 thước trong một giây, hoặc là từ 18000 đến 72.000 cây số trong một giờ, nhanh bằng trăm lần máy bay nhanh nhất) và từ đấy suy tính được tất cả tính cách của thể hơi, Gần đây, ông Jean Perrin đã nghĩ ra rất nhiều thí-nghiệm trực thuộc giúp cho ta lường được các số trên một cách triệt để, « thuyết nguyên-tử » nhờ đấy càng ngày càng vững vàng. Bây giờ khoa-học có thể nói rằng đã cân được lượng của phân-tử và nguyên-tử.

« Thuyết nguyên-tử » cũng đã có thể giảng được kiến-trúc của chất nước và chất đặc. Trong các chất ấy, các phân-tử nằm gần khít nhau, hấp dẫn rất mạnh, thành khó ép mà cũng khó giãn, và khó cắt ra từng mảnh.

Nhưng đến đây, nhà Vật-lý-học vẫn chưa hài lòng. Vì Khoa-Học đã cho ta biết rằng trong vũ-trụ cả toàn-thể vật-chất đều cấn tạo bằng nguyên-tử 92 chất đơn ghép lại khác nhau.

Nhưng chính 92 nguyên-tử ấy vì sao khác nhau đó là vấn-đề mà nhà Vật-lý-học vẫn tự hỏi, và từ đấy đi tìm kiếm cho biết kiến-trúc của cả nguyên-tử.

Hiện nay khoa-học đã gần giải-quyết được vấn-đề ấy là cũng nhờ tiến-bộ về hiểu-biết các hiện-tượng điện-khí. Ngay từ ngày đầu, người ta đã phân-biệt được hai thứ điện, điện âm và điện dương. Còn luồng điện chạy trong dây, thì có ta có thể tưởng-tượng nó là một dòng chảy của một thứ lưu-động như nước, có tính cách của điện âm hay dương. Nhưng cũng có thể coi như một đám mây gồm có vô số hột điện nhỏ, Theo thực-nghiệm thì chính cái thuyết sau này mới đúng, và cách đây 30 năm, nhà vật-lý-học đã phát minh ra rằng điện âm toàn bằng hột điện nhỏ vô cùng, đều giống nhau một loạt, nặng bằng nhau, lượng cũng bằng nhau. Những hột điện âm ấy người ta gọi là nó *điện-tử*, và người ta đã hết cách trích nó ra, để khảo xét cách nó vận-động và nhờ đấy lượng được cân-nặng của chung nó ($1/10^{28}$ gam) và lượng điện ($1/10^{21}$ coulomb). Về điện dương, thì tuy không có chứng cớ chắc-chắn được bằng, nhưng nhà vật lý học cũng đã thấy rõ ràng cũng có hột điện dương, nặng hơn tuy lượng-điện cũng bằng ($2/10^{-5}$ gam và $1/10^{21}$ coulomb) đây là *prô-tông*.

Điện-tử và prô-tông tuy rất nhẹ nhưng nếu họp lại nhiều thì cũng đủ cân nặng để cấp trọng lượng của vật-chất. Từ đây, nảy ra ý-kiến rằng tất cả nguyên-tử gồm có prô-tông và điện-tử, ghép lại tùy ít hay nhiều, theo những tỷ-lệ biến đổi tùy theo nguyên tử nhưng nhất định từng nguyên-tử. Tư tưởng ấy đã được xác định hơn nhờ có công-trình của Rutherford và Niels Bour. Theo ý hai nhà bác-học ấy thì một nguyên-tử chất đơn chắc phải có một cái « nguyên điểm » chứa một lượng-điện dương bằng N lần lượng điện của prô-tông; chung quanh cái « nguyên-điểm » ấy có N điện-tử xoay quanh : vì thế nguyên tử thành trung-tính vì hai lượng điện âm và dương bằng nhau trung hòa lan nhau. Chính trong « nguyên điểm » có lẽ cũng có vừa prô-tông, vừa điện-tử. Và vì prô-tông nặng bằng 1800 điện-tử, ta có thể nói rằng tất cả trọng lượng tập trung tất cả trong nguyên điểm. Nguyên-tử đơn-sơ nhất là nguyên tử chất khinh-khí (hy-drô) có một prô tông, và một điện-tử. Thành-thử nguyên tử của chất này phân biệt với nguyên-tử chất khác nhờ số N điện-tử xoay quanh nguyên-điểm Vậy thì người ta có thể xếp các nguyên-tử theo thứ-tự N lớn hay nhỏ, từ N = 1 (hy-drô) cho đến N = 92 (u-ran). Cách xếp đặt nguyên-tố theo thứ tự số N (nguyên-tử số) lại hợp với cách của Mendéléeff xếp theo tính-cách hóa-học (bản phân-loại của Mendéléeff).

Hơn nữa, ông Bohr đã phác qua kiến-trúc của một nguyên-tử. Theo ý ông, thì phải xem nguyên tử như một thái-dương hệ, cái định-tinh là nguyên-điểm, chung quanh có hành-tinh xoay là điện-tử. Tự nguyên-điểm đến điện tử xa cách hơn từ định-tinh đến hành-tinh, thành thử trong một nguyên-tử lo trống nhiều vô kể.

Thuyết của Bohr được thịnh-hành là nhờ kết quả thuyết ấy giảng được tính cách phát-quang của nguyên-tử lúc nung nóng lên Thật ra thì ông Bohr đã phải chữa sửa thuyết ông để dẫn-kiến những kết quả của « thuyết quan tử » mà ông Max Planck vừa mới sáng kiến ra.

(còn nữa)

KIM VÂN KIỀU TRUYỆN VỚI SÁCH TÀI-TỬ

ĐÀO DUY-ANH

Chúng ta đã biết rằng truyện Kiều, tức là Đoạn-trường tân thanh của Nguyễn-Du, là do quyển tiểu-thuyết Kim Vân Kiều truyện của Thanh-tâm-tài-nhân, vào khoảng đầu Thanh mà dịch ra, về điều ấy trong hai bài đăng ở *báo Bạn-Đường* và tạp chí Tri-Tân (1) tôi đã trình bày chứng cớ chắc chắn, nhất định. Song còn có một nghi-án cần phải biện rõ, là sách Kim-Vân-Kiều truyện ấy có phải là « Thánh-thán-ngoại-thư » không ? Trong bài « Lai lịch truyện Kim-Vân-Kiều » tôi đã tỏ ý hoài nghi « vì giá trị sách này chưa đủ khiến Thánh-thán phi công như giá trị của sách Thủy-hử (2) và Tây-sương ». Bấy giờ tôi mới bằng vào giá trị sách Kim-Vân-Kiều truyện và giọng văn bình luận mà hoài nghi chứ chưa có chứng cớ chắc chắn hơn. Nhân công việc nghiên cứu về Nguyễn-Du, tôi phải để ý về vấn-đề ấy mà tìm thêm tài-liệu. Dẫu rằng nó chỉ là một vấn đề nhỏ mọn, ta cũng nên biện giải rõ ràng để sau này người ta khỏi quá tin vào mấy chữ « Thánh-thán ngoại-thư » mà nhận lầm cái giá trị của quyển tiểu-thuyết tầm thường ấy. Nhân tiện tôi lại xin nói qua về loại sách mà người ta thường gọi là *Thánh-thán ngoại-thư* hay là sách *tài-tử*.

Trước hết hãy xin nói về sách tài-tử, rồi sẽ tỏ rằng sách Kim-Vân-Kiều truyện không phải thuộc về loại sách ấy.

Chữ *sách tài-tử* (3) có lẽ xuất hiện từ Kim Thánh-thán là một nhà phê bình trứ danh ở đời cuối Minh đầu Thanh. Thánh-thán nói rằng: « Sách tài-tử ở trong thiên hạ có sáu thứ, mà người đời không biết. Sáu thứ ấy là: Trang (Nam-hoa của Trang-tử), Tao (Ly-tao của Khuất-nguyên), Mã-sử (Sử-ký của Tư-mã-Thiên), Đỗ-Luật (Thơ luật của Đỗ-Phủ), Thi Thủy-hử (Thủy-hử-truyện của Thi-Nại-Am), Vương Tây-Sương (Tây-sương-ký của Vương Thực-Phủ), (1)

Thánh-thán muôn phê bình cả sáu bộ sách ấy, nhưng chỉ mới làm song được hai bộ Thủy-hử và Tây-Sương, còn các bộ khác thì đương phê bình dở, chưa hoàn toàn thành cảo. Người anh họ Thánh-thán là Kim-Xương muốn đem những di-cảo ấy khắc bản để công bố (2). Hiện tôi được thấy có bản *Thánh-thán phê tuyển Đỗ-thị* do Trần-á-Công hiệu duyệt, còn các bản kia thì không được biết. Trong bài tự của Kim Xương có nói Thánh-Thán cũng chú giải Đường-thi ít nhiều. Tôi cũng được thấy một bản « *Thánh-thán phê tuyển Đường-thi* » (3), cũng do Trần-Á-Công hiệu duyệt. Bản ấy có bài tựa của Thánh-thán nói rằng: hiệu Thuận-Trị năm thứ 17 (trước khi Thánh-thán chết non 2 năm), ngày 8 tháng 2, người con tên là Ung xin ông giảng Đường-thi về thể thất ngôn luật, ông không thể từ chối, đến ngày rằm tháng tư, trước sau giảng được 600 bài. Cuối bài tựa ấy, đề tên là Đại-dịch-học-nhân Kim » Nhân-thụy pháp-danh Thánh-thán thuật soạn. Hai bản Thánh-thán phê tuyển ấy, tôi không chắc hoàn toàn là tay Thánh-thán phê-bình, vì không có tài liệu chắc chắn nên chưa giám quả quyết. Song nếu đó là sách mạo thác ít nhiều thì cũng không phải là

(1) Xem bài *Lai lịch truyện Kim-Vân-Kiều* ở Bạn-Đường số 3 năm 1941, và bài « *Bàn thêm về lai lịch truyện Kim-Vân-Kiều* » ở Tri-Tân số 6, năm 1941.

(2) Nhân đây xin cải chính chữ *Tam Quốc* lại làm chữ *Thủy-Hử*.

(3) Chữ *tài tử* trước kia người Trung-hoa thường dùng để chỉ những người giỏi văn chương trong một thời, ví dụ « Thập tài-tử » ở đời Đường Đại lịch là bọn Lư Luân Cát-Trung Phu ; « Thập tài tử » ở đời Minh, Cảnh-thác là bọn Yến Đại Tô-Bình, « Thập-tài-tử ở đời Minh Hoàng-trị là bọn Lý-Mộng-Dương và Cảnh-Minh.

(1) Xem Nhị thập thất Tùng-đường văn-tập của Liêu-Tùng-Chu.

(2) Xem bài Tự Đỗ tứ tài-tử-thư của Kim-Xương, trong sách *Thánh-than phi tuyển Đỗ-thi* Thượng-hải, Trung-Ương thư điếm 1937.

(3) *Thánh-thán phê tuyển đường thi*, Thượng-hải, Trung Ương thư-điếm, 1937.

chuyện lạ. Chính như sách Tam-quốc-chí diễn-nghĩa có tiêu đề mấy chữ « Thánh-thán ngoại-thư », nhiều nhà khảo-cứu ở Trung-quốc gần đây (1) đã xét ra rằng sách ấy chỉ có Mao-vôn-Cương người đời Khang Hy phê bình (sau khi Thánh-thán đã chết) mà bài tựa là của Mao ng ,y thác tên Thánh-thán cho Tam-quốc-chí là sách đệ nhất tài-tử. Nhưng sự giả dối của Mao-Tôn- ường đã khiến cả người Trung-quốc cùng người Việt-nam ta phải lầm trong mấy trăm năm. Người ta lại còn theo đó mà xếp thêm 9 bộ sách khác ở sau sách ấy để làm thành 10 bộ sách tài-tử của Trung-Quốc là:

Tam-Quốc-chí :	Đệ nhất tài-tử.
Phong-nguyệt truyện :	— nhị —
Ngọc-kiều-lê	— tam —
Bình-sơn-Lãnh-yến :	— tứ —
Thủy-Hử-truyện :	— ngũ —
Tày-sương-Ký :	— lục —
Tỳ-Bà-ký :	— thất —
Hoa-Tiên-Ký :	— bát —
Tróc-Quỉ-Truyện	— cửu —
Nhất Tiếu-Duyên	— thập — (2)

Vì thanh danh của Thánh-thán lừng lẫy quá cho nên nhiều người khác cũng bắt chước Mao-Tôn-Cương, mượn tên Thánh-thán để làm cho sách mình được thiên hạ chú ý. Sách Kim-Vân-Kiều truyện chính là một bộ sách giả mạo như thế. *Kim-Vân-Kiều truyện* dầu được Nguyễn Du phiên dịch, nhưng cũng chỉ là một bộ tiểu-thuyết tầm thường. Tác-giả nó cũng biết tự lượng tài mình, nên chỉ đề biệt hiệu là Thanh-tâm tài-nhân. Các nhà văn-học-sử Trung Quốc ngày nay cũng vẫn chưa biết tên thiệt của tác-giả ấy là gì tất nhiên đó không phải là một nhà văn có tiếng. Nếu ta đọc qua sách ấy một lượt, nhất là lại đem so sánh nó với Đoạn-trường tân-thanh của Nguyễn-Du, thì ta sẽ thấy nó là một quyển tiểu-thuyết tự thuật dài dòng, mô tả luộm thuộm, lại tâm lý rất sơ sài, tuyệt không có gì là giá trị văn chương. Thánh-thán là một nhà phê bình có nhãn quang sâu-sắc phi thường, quyết không khi nào lại ngồi mà phê bình quyển sách tầm thường mà lại nhiều chỗ thô bỉ ấy,

Vả chăng, cách phê bình của Thánh-thán, như ở các sách Thủy-hử và Tày sương, đầu thì phê bình toàn thiên, rồi phê bình đến từng chương, từng tiết, từng câu, rất là tỷ mỷ châu đáo, không những bàn về ý tứ, mà bàn cả đến cách kết cấu và văn từ. Nhưng lời phê bình trong Kim-vân-Kiều-truyện chỉ chú ý về nội-duug, nhất là về tình tình của nhân vật. Quyết đó không phải là phép phê bình của Thánh-thán. Một lẽ thứ ba khiến tôi tin rằng sách Kim-vân-Kiều-truyện không có quan-hệ tới Thánh-thán là sách ấy xuất hiện ở buổi đầu Thanh (1) mà Thánh-thán thì cuối đời Thuận-Trị, nghĩa là cũng trong khoảng ấy đã chết, quyết ông chưa có thì giờ mà phê bình nó.

(xem tiếp trang 30)

(1) Cô-Thực *Trung Quốc-văn-học-sử đại-cương* Thượng hải, 1926.

(1) Xem bài *Tam-quốc-chí diễn nghĩa* tự của Hồ-thích trong *Hồ-thích văn-tồn nhị tập*, quyển tứ, trang 219, và sách *Từ hải* về mục *Tam-quốc-chí thông-tục diễn nghĩa* quyển thượng, tập Tý, trang 51.

(2) Theo nhà Chi-na-học stanilas Julien, do G. Cordier dẫn trong sách *Morceau choisis d'auteurs annamites*, Hanoi Lê-văn-Tân, 1935 (2è édition).

MUỐN NÂNG CAO CÔNG NGHIỆ
NƯỚC NHÀ NÊN DÙNG DẦM

PÉDOCA 6°

Chế theo phương pháp các nhà sản xuất **Desseau** và **Bordelaise**, đã được phòng thí-nghiệm công nhận Thơm và độ Chua không thay đổi

Có bán tại các hiệu thực phẩm như
G. M. R. Poinsard Veyret

Làm đại-lý, viết thơ về:
136 Armand Rousseau, Hanoi

NHỮNG NGUYÊN-NHÂN SỰ TĂNG GIÁ HÀNG HÓA ở Đông-dương từ hồi có chiến-tranh

Đỗ Đức-Dục

Từ năm 1939 đến giờ, nghĩa là từ hồi xảy ra chiến-tranh ở Âu-Châu, hàng-hóa Đông-Dương tăng giá theo một nhịp đều mà nhanh-chóng vô-cùng, Căn-cứ ở những bản thống kê cuối-cùng, ta thấy rằng : từ năm 1939 đến tháng một năm 1941, giá bán buôn hàng hóa đã tăng lên 108·*l*. giá bán lẻ ở Hà-nội tăng 53·*l*· ở Sài-gòn tăng 42·*l*. ; — theo đó ở Hà-Nội giá sinh-hoạt của người Âu tăng lên 39·*l*. của người Đông-Dương vào hạng trung-lưu tăng 50·*l*., mà của thợ thuyền tăng tới 70·*l*. (đây là chưa kể từ Novembre 1941 đến giờ các giá đó còn tăng nữa).Tuy nhiên ta cũng nhận rằng sự tăng-giá đó không riêng gì cho xứ Đông Dương mà là một hiện-tượng chung cho cả hoàn-cầu, không một chính phủ nào, không một chế-định qui-pháp nào ngăn được.

Lẽ tất nhiên là người ta có thể nói thẳng ngay rằng nguyên-nhân sự tăng-giá đó là chiến tranh. Nhưng nếu người ta muốn tìm phương kế, dù không để tránh hẳn thì cũng để làm nhẹ bớt những kết-quả tai hại (à nhiều khi bất công của sự tăng-giá quá cao (2), thì người ta không thể vừa ý bằng một lời kết-thúc vội-vàng và giản-dị như thế được. Cho nên ta cần phải xét xem, một cách tường-tận, những nguyên-động lực của sự cấu tạo giá hàng hóa đã biến-dị đi thế nào từ hồi có chiến-tranh đến giờ làm cho giá hàng cao lên nhanh chóng như vậy.

Nhưng trước hết, tưởng chúng ta nên nhớ lại xem những nguyên-động lực ấy là gì ? cách cấu-tạo của giá hàng-hóa ra thế nào ? Ai cũng biết rằng giá một hóa vật chỉ là biểu thị giá trị của nó trong sự đổi chác giữa thứ hàng đó với tiền-bạc. Vậy thì xét về sự biến-đổi của giá hàng tức là xét về mối liên-lạc, quan-hệ giữa hàng-hóa với tiền-tệ.

Về nguyên-tắc, mọi người đều công nhận rằng cái mực chung của giá hàng hóa (niveau général des prix), trong một nước và một thời kỳ nhất-định, lệ-thuộc năm nguyên-động-lực chính :

1). *Số-lượng tiền-bạc đang lưu-hành* (quantité de monnaies en circulation) : thí dụ số tiền bạc lưu hành là 1000$ để dùng trong việc mua bán một số hàng hóa là 20 chiếc xe đạp, thì giá mỗi chiếc xe sẽ là : $\frac{1000\$}{20} = 50\$$; — nếu vẫn ngần ấy hàng hóa, mà số tiền bạc lưu-hành tăng lên 1600$, thì giá mỗi chiếc xe tăng theo là : $\frac{1600\$}{20} = 80\$$.

2) *Số lượng những cách chi-phó khác tiền-bạc (3) lưu hành* (quantité de moyens de paiement autres que la monnaie en cirenlation) như tiền bạc gửi ở ngân-hàng (chi-phó bằng cách hoạt kỳ tồn-khoản : compte courant), như những thương-phiếu. trái phiếu, tín dụng từ đang lưu hành (effets de commerce, papiers de crédit, en circulation) : thi-dụ ông mua hàng. không cứ phải giả bằng tiền bạc mà còn có thể giả bằng trái phiếu, bằng giấy tín nhiệm của một nhà ngân hàng hay của một thương điếm lớn. Nếu số giấy đó lưu hành nhiều thì cũng như tiền bạc lưu hành nhiều, giá hàng hóa sẽ theo đó mà tăng (xem thí-dụ trên) ;

3) và 4) *tốc- lực lưu-hành* (vitesse de circulation), *của tiền-bạc và tốc lực lưu hành của những cách chi-phó khác* : thí-dụ, tiền bạc hay những giấy thay tiền-bạc, nếu ông vừa nhận được lại lập-tức đem dùng vào việc mua-bán thì tốc lực của nó nhanh mà việc giao-dịch tất nhiên hoạt-động hơn, và hình như tiền-bạc nhiều ra, theo đó giá hàng hóa có thể tăng lên ; trái lại nếu tiền bạc đó ông lưu-trữ cất đi, hoặc bỏ vào tủ, hoặc đem chôn kỹ, thì tốc lực của nó kém, tiền-bạc ít đi. giá hàng hóa có thể hạ xuống ;

5) *Số-lượng hàng-hóa và nhân-công* (quantité de marchandises et de services nhân-công cũng là một thứ hàng-hóa) đem bán trong thời-kỳ đã định : cũng thí-dụ ở trên, nếu số tiền bạc lưu hành là 1000$ mà hàng hóa là 20 chiếc xe đạp thì giá mỗi chiếc là : $\frac{1000\$}{20} = 50\$$; nhưng nếu vẫn ngần ấy tiền mà số xe đạp bớt đi, còn 10 chiếc, thì giá mỗi chiếc sẽ là : $\frac{1000\$}{10} = 100\$$.

■

Nói tóm lại, giá hàng-hóa biến đổi theo chính tỷ-lệ (en raison directe), nghĩa là thuận-chiều với bốn nguyên-động-lực trên, và theo phản-tỷ lệ (en raison inverse) nghĩa là ngược chiều với nguyên-động-lực thứ năm : nếu số tiền bạc và tất cả những cách chi-phó thay tiền-bạc trong việc giao-dịch, cùng là tốc-lực lưu-hành của hai thứ đó tăng lên, trong khi số hàng-hóa và nhân-công không thay đổi, thì giá hàng-hóa tăng theo ; trái lại, nếu số tiền-bạc và những cách trả thay tiền-bạc y-nguyên mà số hàng hóa đem bán tăng lên, thì giá hàng lại hạ xuống.

Chung-quy, xét về nguyên-nhân sự tăng-giá hàng hóa, ta có thể chia làm hai hạng : những nguyên-nhân thuộc về tiền-tệ (4 khoản trên) và những nguyên-nhân thuộc về hàng hóa (khoản thứ măn).

Về những nguyên-nhân thứ hai này, ta cũng nên nhớ rằng giá hàng-hóa biến-đổi theo luật cung-cầu (loi de l'offre et de la demande). Vì thế ta cần phải phân biệt những nguyên-nhân thuộc về số hàng hóa đem cung cấp, bán trên thị trường (offre), và những nguyên-nhân thuộc về số hàng hóa cần mua theo sự nhu-cầu của người tiêu-thụ (demande).

Riêng về sự tăng giá ở Đông-Dương thì những nguyên-nhân thuộc về hàng-hóa quan trọng hơn nhiều những nguyên nhân thuộc về tiền-tệ.

Vì những lẽ đó dưới đây ta lần lượt xét trong ba phần ;

Phần thứ nhất : Những nguyên nhân thuộc về số hàng hóa cung cấp.

Phần thứ hai : Những nguyên-nhân thuộc về sự nhu-cầu của người tiêu thụ.

Phần thứ ba ; Những nguyên-nhân thuộc về tình-hình tiền tệ.

■

Phần thứ I.

Biến đổi trong sự cung-cấp hàng-hóa.

Hàng-hóa cung-cấp cho thị-trường Đông dương bình thường có hai hạng : hàng nhập-cảng và hàng nội-hóa

A — Về số hàng nhập-cảng ta có thể tính được rõ-ràng bằng những bản thống-kê của nha thương-chính. Tình trung-bình xứ Đông-Dương nhập cảng hàng tháng :

Về năm 1939, 49.000 tấn hàng-hóa :

Về năm 1940, 37.800 tấn ;

Tháng 10 năm 1941, chỉ còn 15.400 tấn :

(1) Xem Bulletin économique de l'Indochine Année 1942 Fascicule 1.

(2) Trong một số sau, tôi sẽ nói đến những phương pháy chính-phủ đã dùng trong việc này.

(3) Những thí-dụ và lời giải-thích giản-dị trên đây là để bạn nào chưa quen với những danh-từ chuyên-môn với khoa kinh-tế học hiểu rõ, vậy xin các bạn lượng xét.

Thành ra, về trọng-lượng, sự nhập-cảng từ năm 1939 đến năm 1940 kém đi 20, 8 ·*l*. từ năm 1939 đến tháng 10 năm 1941 kém đi 68, 5·*l*. Nếu tính theo thước-khối thì sự sút đi cũng tương-tự : từ 1939 đến 1940 sút đi 24, 4 ·*l*., từ 1939 đến tháng 9 năm 1941 sút đi 68, 5 ·*l*.

Như vậy số hàng-hóa nhập-cảng về trọng lượng cũng như về dung-lượng, kém đi một cách rõ rệt. Tuy nhiên, mặc dầu sự sút-kém đó từ trước cho đến năm 1941, vì số hàng-hóa còn tích trữ được mà sự cung-cấp trong xứ gần như bình thường. Nếu giá hàng cao chưa hẳn do sự khan hàng. Nhưng sang năm 1941, từ tháng tám trở đi số hàng tích-trữ hầu cạn ; hàng ngoài không nhập-cảng được nữa vì những thị trường ngoại-quốc cung-cấp cho Đông Dương kế-tiếp nhau bế-tỏa. Sự thông-thương với nước Pháp và đế-quốc càng ngày thêm bất chắc. Chính-phủ Anh ra lệnh cấm trong toàn thể thuộc-địa, sự xuất-cảng tất cả hàng-hóa cần cho sự phòng-thủ quốc-gia. Những hàng tự Úc-đại-Lợi xuất cảng, cứ sang tới Phi-luật-Tân để đổi tầu thì đều bị giữ lại ở hải-cảng Manille. Vào cuối tháng-chín sang đầu tháng mười, bến Thượng-hải, một thị-trường quan hệ trong sự buôn bán của Đông-Dương cũng bị bế-tỏa. Duy còn nước Nhật-bản bát đầu từ 15 Octobre là thị-trường độc nhất cung cấp cho Đông-dương Nhưng đến hồi đó hàng Nhật nhập cảng vào Đông-Dương cũng chưa có gì ; vả chăng Nhật bản cũng chỉ có thể cung-cấp cho xứ này một phần những hàng-hóa vẫn nhập cảng, mà chưa đã phải là những hàng-hóa cần-thiết ; thêm nữa chính phủ Nhật cũng hạn định sự xuất cảng hàng hóa sang Đông-dương bằng những điều-kiện rất nghiêm-nhặt.

Nói tóm lại những lẽ kể trên đã làm cho số hàng nhập cảng vào Đông-dương càng ngày thêm hao-hụt. Như ta đã biết, từ 1939 đến Septembre 1941 về trọng-lượng hay về dung lượng, sự sút kém tới 68,5·*l*. ; mà từ Septembre 1941 đến giờ, nhất là từ lúc xảy ra cuộc Nhật Mỹ chiến-tranh thì sự nhập-cảng hầu như đình chỉ.

Tuy-nhiên nếu về trọng-lượng, sự suy-giảm lên tới 68,5.*l*·, từ 1939 đến Septembre 1941, thì về giá-trị hàng-hóa sự suy giảm không tới số đó. Theo bảng sau đây :

— mỗi tháng về năm 1939, Đông-dương nhập cảng 19.950.000p. hàng.

— tháng mười năm 1941, Đông-dương nhập cảng 14.880.000p. hàng ta thấy sự sút kém về giá trị bằng tiền Đông-dương, chỉ lên tới 25,6 ·*l*.. Như thế là vì giá hàng-hóa nhập-cảng vào xứ này đã tăng lên. Nguyên do sự xuất sản hàng nội-hóa ở Đông-dương hãy còn ít-ỏi cho nên thị-trường, Đông-dương còn phải lệ-thuộc thị-trường ngoại-quốc. Thành ra giá hàng nhập-cảng vào đây cũng tùy theo giá hàng ở thị-trường bên ngoài. Thế mà trong thời-kỳ đó, nghĩa là từ 1939 đến Octobre 1941. giá hàng ngoại quốc đều tăng lên, do sự lạm-phát tiền-tệ (inflation monétaire) ở khắp các nước, do sự nhu-cầu nguyên-liệu càng mạnh của các nước đang giao chiến hay dự-bị dự-chiến. Gia-dĩ tình-thế gay go trên Thái-bình-dương có ảnh hưởng lớn tới cước-phí vận-tải, và giá bảo-hiểm hàng hóa phòng sự bất chắc của chiến tranh. Vì thế giá hàng nhập cảng tăng lên cao vô-cùng. Ở Sài-gòn từ 1939 đến Novembre 1941 giá đó tăng lên tới 162, 6 ·*l*.

Kết-luận về hàng-hóa nhập-cảng, ta có thể nói được rằng sự cung-cấp về số-lượng đã sút kém một cách rõ-ràng, trái-lại giá-hàng lại tăng lên bội-phần.

B — Nếu về hàng nhập cảng ta có những bảng thống-kê của nha thương-chính giúp cho sự tra cứu được rõ ràng thì về hàng nội-hóa sự xem xét thực là vô-cùng khó-khăn.

Tuy vậy ta cũng còn phải phân-biệt những phẩm-vật tự-nhiên xuất sản ở đây như nguyên liệu hay thực-phẩm dùng để tiêu thụ trong xứ hay để xuất-cảng, và những tạo-phẩm chế ở Đông dương bằng nguyên-liệu ngoại-quốc nhập cảng. Những chế tạo-phẩm này ta có thể liệt vào hạng hóa-vật nhập cảng đã nói vì nó cũng chung những điều-kiện ở trên. Như hàng dệt, bông hay tơ hóa-học, chẳng hạn, chế tạo bằng sợi, bằng thuốc-nhuộm nhập-cảng thì cũng theo những sự thay-đổi ở thương trường bên ngoài, chỉ sai nhau đôi chút.

Còn về hàng hoàn-toàn nội hóa, những thực phẩm như gạo, ngô,.... hay những nguyên-liệu như khoáng-vật những chất dầu, cao xu... thì sự cung-cấp đôi khi có tăng lên, nhưng về tỷ-lệ đại để vẫn kém sự nhu-cầu càng mạnh.

■

ĐỖ-ĐỨC-DỤC

(Kỳ sau đăng tiếp)

Phần thứ II.

Biến đổi trong sự nhu-cầu.

KỶ NIỆM PHAN THIẾT

Đ. G. TRINH

(Tiếp theo)

Buổi chiều cuối ở Phan-thiết

Hành lý đã xếp-soạn xong xuôi, va-ly chỉ còn đợi khóa. Mấy quyển sách, mấy tập giấy trên cái bàn cô-sơ cũng đã cho vào hòm. Chiếc đèn cô-sơ tôi cũng thắp lên một lần cuối cùng để trông ngọn lửa của nó giải mà luôn luôn rún rẩy. Dưới ánh sáng vàng của ngọn đèn ấy tôi đã thường diễn trên giấy những cảm-súc của tôi, hoặc đọc Baudelaire trong tiếng sóng bể rì-rào.

Nhắc cái áo ở mắc gấp lại, gói đôi giầy vừa đánh phấn vào nhật-trình, xếp lại mấy chiếc thư ở Hà-nội gửi vào, rồi dọn va-ly co kéo nơi này nơi nọ để lấy một chỗ thừa, mà va-ly cứ thấy thiếu chỗ hoài! Những công việc ấy tuy nhỏ nhặt nhưng khiến tôi suy nghĩ vẩn vơ. Nhắc chiếc áo ở mắc gấp lại, đó là hình ảnh của chia phôi, đó là tôi sắp từ giã cái đồi đất đỏ quen thuộc này để trở về nơi đồng ruộng quê hương. Đồ vật có mất mát ít nhiều nhưng trái lại tôi mang về bao nhiêu quà mới khiến va-ly chật chỗ! Lòng tôi lúc ở nơi này đi cũng vậy: một vài tình-tình, một vài cảm-súc mới-mẻ đã tới tìm chỗ trong trái tim tôi.

Chiều nay giời vẩn mây che giăng, con đường quanh-co dẫn xuống tỉnh Phan-thiết tựa như vắng vẻ hơn mọi ngày. Tôi với bạn tôi như hấp-tấp muốn sống giầu mạnh một buổi chiều, buổi chiều cuối, theo lời khuyên « Carpe diem » của triết-gia Horace.

Tám giờ giăng ra khỏi mây lại tỏ rõ như ở mọi ngày, reo ánh bạc lên trên nước sông lặng. Giang đã ở mây ra! Có lẽ nào buổi chiều cuối ở Phan-thiết lại là một buổi chiều không đẹp! Một ý muốn nhỏ mọn của lòng tôi có lẽ nào hóa công nhân từ lại không cho được toại? Muốn một ánh giăng trong, ánh giăng soi những buổi dạ vũ của tiên nữ trên cỏ xanh trong các truyện hoang đường, chỉ một ánh giăng thôi, giăng trong sáng gây tình quyến-luyến và như vuốt-ve những cảm-súc êm dịu của lòng.

Giăng lên cao, đường vắng-vẻ mà dài. Tôi yêu sao những đường vắng-vẻ trên đó tôi và tạo vật gần nhau khăng-khít để tìm tôi đập những cảm-súc quen của nó, sống những mơ ước xưa nay nó vẫn ưa. Sông lặng mang những thuyền buồm lặng. Nhà cửa đóng kín. Không một tiếng đàn khuya, không một hương hoa quyến rũ, tạo vật phô mình trong chất-phác không trang điểm.

Trăng lên cao nữa, gió bể sô sóng tới chân ta. Bọt nước tan róc-rach, sóng rút ra xa, bãi cát lại trở lại trắng dươi giăng. Ở đây có những mỏm đa đợi người ngồi, bọt bể tơi tan ở dươi chân, có phi-lao trên đồi cat trắng, có chân mây xa thẳm. Khi rảo bước trên bãi, toc tung bay dưới gió khơi, khi ngồi bắt cua ở những hang đào ở cat tựa như bắt dã-tràng trên các bãi biển Bắc kỳ, tôi co cảm-giác thấy sông những phut sơ giản và thi vị mà đời van-minh đã làm cho ta quên. Buổi chiều nay tôi muốu in bóng tôi lên trên bãi cát mặc dầu song bể và gió sẽ sóa nhòa tất cả sau bước chân tôi.

Giăng đêm nay như sáng vì chúng tôi (thật rõ ngày ngô!), như riêng soi đường chung tôi đi. Nó nhắc lại cho tôi bằng hơi thở của gió, bằng lòng-lánh của nước, những niềm mơ của tuổi trẻ... Tôi đã hiểu, trong những ngày dài nghe truyện của một số bạn hữu (một số thôi, tôi lẽ nào phụ lòng những bạn tốt) sự biến cải trong các tâm trạng thanh niên từ khi bỏ học dường bước vào « đời mà người ta gọi là đời ». Tôi đã hiểu rằng cuộc đời sắp tới có lẽ sẽ tỉ mỉ, sẽ khó khăn cho những kẻ ưa coi những hoạt động của tư-tưởng như một phần tử cốt yếu của sự sống và yêu một cuộc sinh-hoạt có điểm chút lung-lạc, một cuộc sinh-hoạt « *vừa duy trì vừa khoáng đạt* » mà nhà văn sĩ Edmond Jaloux đã ca tụng trong các tác phẩm của ông. Tôi đã được trông thấy, và nghe thấy, và cảm thấy ở bên tôi cuộc tranh đấu tuyệt vọng của những lý tưởng thanh niên cao đẹp còn thoi thóp thở dưới sự tấn công tàn ác của những tư-tưởng vinh hoa vật chất, lòng kiêu hãnh tự túc của những tâm hồn do sự quan trọng của họ với mực thước nhỏ hẹp của vị kỷ.

Cho nên chiều nay, dưới ánh trăng trên bãi sa-mạc hoang vu của ban đêm, lòng tôi tựa như thấy một cửa sổ đem lại cho nó gió mát và dễ chịu. Tôi ngồi trên cát, dựa mình vào một mỏm đá. Gió nhẹ làm tôi chập-chờn ngủ... Tôi thấy bể như sáng-lang hơn lên và ở xa có một con thuyền dát vàng, buồm lụa diễm-lệ, đang đi trên mặt bể mầu xanh thẫm. Vài con chim trắng bay lượn xung-quanh. Chim albatros rồi! Một giọng ca thần diệu ở nẻo đó đưa lại. Tất cả tôi rung-động, tôi say sưa, tôi giơ tay ra hiệu cho chiếc thuyền

kỳ-dị ấy lại gần. Tiếng tôi tản đi trong không gian bát-ngát, không mang lại một chút vang. Nhưng lạ thay và sung-sướng thay, chiếc thuyền bỗng dưng quay mũi như cảm tiếng tha-thiết của tôi. Thuyền dần dần to và tiến đến nẻo tôi ngồi. Nó lại gần, kìa bọt trắng của nước bị rẽ ra hai bên! Nó tới rồi, đây tiếng rào-rạt của nước.

Trên thuyền bước xuống một cụ già đầu bạc, mặt hồng-hào. giáng đi khỏe mạnh, trông quắc-thước và đáng kính. Cụ già giơ tay ra đón tay tôi và ra hiệu bảo lên thuyền cùng đi. Tôi còn đang lưỡng-lự thì sau chiếc buồm lụa lộ ra một người đàn bà đẹp như những mơ tưởng của tôi xưa nay. Tóc nàng để sõa xuống tựa như của những Sirènes. Hơi thở của nàng như làm thơm tho cả bầu không-khí. Nàng bước xuống bãi cát trắng. Chân thon nhỏ đi nhẹ nhàng, êm tựa như ánh giăng trong đó nàng tắm mình. Nàng cũng giơ tay ra đón tay tôi và ra hiệu bảo lên thuyền.

Lòng tôi bồng-bột quá. Máu phiêu lưu rội dậy trong huyết quản. Thuyền đứng lặng... Tôi toan bước theo tiếng gọi của «*lạ lùng*», nhưng liếc mắt qua phia sau tôi thấy bóng đèn lấp-ló trên cửa sổ một lầu cao, khói xanh tản trên những bụi cây thân thuộc um-tùm, tất cả sự ấm cúng của một cuộc đời trật tự. Gió bể nổi lên mạnh, sóng cuộn ầm-ầm, xa khơi đối với tôi bỗng là Bí-Mật, là Hỗn-Độn, là Nghiêng-Ngửa.

Tôi dụt-dè, tôi trông lại *(ôi, lòng yếu đuối!)* một lần nữa cái dặng cây yên lặng ở ngoài ảnh-hưởng của bão táp, cái cửa sổ sáng dưới ánh đèn, ngọn khói bay thong thả, một vài đám người đi trên đường đất truyện trò thân mật như ở một chợ xa-xôi về.

Lòng tôi hoang mang: bể cả hôm nay có một dịp, ngày hôm nay con đường tới phương xa đã mở, người còn do dự chi? Chân này còn đợi chi mới chạy, lòng này còn đợi chi mới quyết định? Quay lại, ôi thôi thất vọng! Chiếc thuyền sử giả của xa vời đã biến mất. Ngó ra chân giời kìa nó đang đi trên bể xanh, nhỏ bé, ở dưới tầm con mắt. Con thuyền ấy đã lại gần tôi, đã nói chuyện với tôi, mà trong khoảnh-khắc nó đã ra xa như vậy? Không có lẽ. Cả thân thể như bị đè nặng dưới một mối buồn vô tận, tôi để mình rơi xuống ngồi trên bãi cát và sực tỉnh giậy thấy lạnh ở gót chân: nước bể đã sô vào tới chỗ tôi ngồi. Bể trắng nhạt, và cách chỗ tôi không xa một con thuyền đánh cá cũ-kỹ yên-lặng đứng dơ những cột buồm xám cũ-kỹ.

Trong giấc mơ đẹp và thất vọng của tôi, Tư-Tưởng đạo-mạo và nàng Mỹ-Thuật đã đi một con thuyền lạ tới thăm tôi và đã bỏ tôi ở lại với bờ biển Đông-phương này. Ngày thơ tôi mở mắt to thêm lên, tôi tìm tòi ở cuối chân giời bóng một chiếc thuyền buồm lụa. Vô ích! Mắt trần, trong thực tại, cứ ao ước trông thấy thuyền vàng!

Dọc theo bãi biển Đông-phương (bờ biển Phan thiết), tôi đi về, nghe lơ-đãng những lời bạn, trông lơ-đãng cảnh trí tôi sắp phải xa. Trên một cuộc chia phôi thực hiện (của ngày mai), lại ghép vào một cuộc chia phôi trong ảo mộng (vừa ban nẫy cạnh mỏm đá bờ biển). Bể cả hôm nay gợi giậy ở tôi lòng say mê những phương giời xa lạ, nhắc lại cho tôi cái duyên nợ thầm kin trong trí thức, trong tâm hồn, giữa tôi với những bóng giáng xa-xôi. Lòng tôi bỗng trở nên bối-rối trong những cảm súc phiền-phức và mâu thuẫn: vui, vì sắp về quê nhà; nhớ tiếc người và cảnh ở nơi đây; nhớ tiếc những cõi đất đẹp-đẽ mà tôi vừa từ giã trong giấc chiêm bao bởi chưng không nhanh bước lên chiếc thuyền buồm lụa. Đi đâu? Lại trở về quê hương, bản ngã lại chui vào cái vỏ cũ của nó! Lại trở về một cuộc đời có kích thước!

Bước dần những bước chân không vội vã (tuy đêm đã khuya), này đã tới con đường nhựa có bóng lá đùa với giăng, này cầu trên sông Mường Mán, rồi này con đường đất quanh co dốc lên dốc xuống mang chúng tôi về trại. Phan-thiết ngủ yên, tiếng sóng rì-rào bên phia bể, giăng nửa đêm chếch bên đồi.

Trở về

Hôm nay trở về. Ánh nắng sớm mai chan hòa trên sân vận-động không người. Các bạn hữu tôi quần áo thể-thao gọn chỉnh-tề, ai nấy tấp-nập khuôn vác đồ đạc ra xe xuống tỉnh Phan-thiết.

Những cái bắt tay lưu-luyến và nhớ tiếc kẻ (vào Nam, kẻ ra Bắc, người tới các đô thị, người về những xóm thôn quê), những «bon voyage» nói với một giọng nóng ấm, thành thực. Tôi đem giả nhà trường chiếc chậu gỗ đai sắt (Tôi phải gõ cành-cạch mãi mới chữa được mấy tấm gỗ long đinh!), cái màn mầu nâu, cái chăn đã nâng đỡ tôi khi mỏi mệt. Tôi cho nốt mấy quyển sách vào va-ly, thế là cái bàn nhỏ chân tre của tôi đứng trơ một mình, với chiếc ghế gỗ đáng thương. Một bạn tôi đã tìm đâu được mấy bông hoa dại cắm vào một lọ đựng nước hoa cũ, đem để lên góc cái bàn trơ trọi ấy. Một đóa hoa trong cái nhà gianh của chúng tôi! Một đóa hoa đến lúc sắp ra đi! Phải chăng đó là thi vị của Phan-thiết biểu-lộ trong một phút để gây ở lòng kẻ đi chút tình nhớ tiếc?

Trên một chiếc xe hai bò kéo, mấy chúng tôi cùng hành lý theo con đường gập-ghềnh xuống Phan-thiết. Xe lắc bên phải, xe lắc bên trái, xe nẩy lên khi qua chỗ trũng những con bò triết gia không thèm nghe lời hò của chúng tôi khi nó mon-men bên những hố bên vệ đường.

(Xem tiếp trang 31)

THẠCH-LAM

tức NGUYỄN TƯỜNG-LÂN

LÀNG văn Việt-Nam vừa chịu một tang chung : ông Thạch Lam tức Nguyễn tường-Lân, văn sĩ, vừa tạ thế.

Ông mất đi năm 32 tuổi, lúc tài của ông đang ở thời kỳ nầy nở, lúc văn của ông đang được người đời ham chuộng. Những văn phẩm của ông đã được lưu hành trong công chúng, tên ông đã được nhiều người biết đến, và cái chết của ông đang tuổi thanh niên chẳng những gây mến tiếc ở các bạn làng văn, mà còn ở các độc giả của ông giải rác từ Nam chí Bắc nữa.

Ông sinh ngày mồng 7 tháng 7 năm 1910 tại Cẩm-giàng, là con ông Nguyễn tường-Nhu. Năm ông lên 7 thì thân sinh ông mất. Ông học ở trường sơ học Cẩm Giàng tới năm 14 tuổi. Năm 15 tuổi ông đỗ bằng cơ-thủy rồi xin tăng 4 tuổi để được học ban thành chung, đỗ bằng Cao đẳng tiểu học năm 16 tuổi (thuở ông học, những quy-định về tuổi thi cử và học khóa chưa nghiêm khắc như bây giờ). Đỗ bằng Thành Chung rồi ông vào học trường Canh-Nông, nhưng sau một năm ông xin thôi và vào học ở trường Trung-học Albert Sarraut để thi Tú Tài. Sau khi đỗ Tú-Tài phần thứ nhất ông thôi không học trường nữa.

Năm 1931 ông bắt đầu làm báo, rồi từ bấy đến nay viết đều đều cho những tuần báo *Phong-Hóa, Ngày-Nay, Chủ nhật*. Ông viết truyện ngắn, viết tiểu thuyết, viết những bài bàn luận về văn chương và nghệ thuật, những bài nói chuyện về những vấn đề hàng ngày của sự sống. Những văn phẩm ấy đã do nhà xuất bản Đời Nay đem in thành sách. Những sách xuất bản ấy gồm có mấy cuốn : *Ngày mới* (tiểu-thuyết) ; *Gió đầu mua* : *Nắng trong vườn* ; *Sợi tóc* ; (những tập truyện ngắn) ; và cuốn « *Theo giòng* » tạp bút về văn chương.

Còn có những tác phẩm đang sửa soạn in mà ta được biết là : *Huyền, Thập niên đăng hỏa, Hanoi 36 phố phường.*

Ở Thạch Lam văn sĩ, tiểu thuyết gia, tác giả chuyện ngắn, ta nhận thấy hai khuynh hướng chính : một khuynh hướng xã hội và một khuynh hướng phân tích tâm lý. Ông Thạch Lam không ưa bọn trưởng giả trong xã hội ta, bọn người háo danh, vụ lợi, hiểu các tình tình cao thượng một cách eo hẹp, ti tiểu, không quan niệm nổi những cách sống khoáng đạt, ra ngoài mực thường. Và ông xét nhận một sự thực chua chát : bọn người thiếu tư cách ấy, bọn « không biết thưởng thức đẹp » ấy, thường lại giầu có, an nhàn. Từ lòng khinh bỉ ghét cái bọn người tầm thường đó đến lòng yêu những người nghèo khổ mà lòng trong sạch, sự liên lạc rất dễ quan niệm. Ông Thạch Lam cúi nhìn xuống cảnh đời lầm than, nghèo đói để tả nó với một tình thương và cảm khích mà ta dễ nhận thấy dưới sự rung động của câu văn. Qua « Ngày mới » cũng như qua các tập truyện ngắn của Thạch Lam ta thấy rõ rệt cái khuynh hướng ấy. Có lẽ khuynh hướng đó ở Thạch Lam đã có lúc trở nên một thành kiến quá nghiêm khắc khiến ông ghét tất cả những ai có « *má phính và bụng xệ* » để yêu những mảnh áo rách và những giọt lệ của người nghèo khổ, khiến ông trở nên « thiên lệch », theo một lời bình phẩm của Khái Hưng (tựa Gió đầu mùa)! Nhưng những yêu ghét ấy đã có cái kết quả trong văn chương là khiến Thạch Lam chú ý rất nhiều đến bọn người nghèo khốn để tìm hiểu biết những đau đớn, những vất vả, và cả những nhơ nhớp của đời họ. (Những truyện ngắn : *Nhà mẹ Lê, Đói, Một cơn giận, Tối ba mươi* v v...)

Một khuynh hướng khác nữa ở Thạch Lam là khuynh hướng chủ quan. Ông ưa phân tích tâm lý nhưng nhân vật, ưa gây nhưng bầu không khí tình cảm, đánh vào giác quan, vào tưởng tượng, vào những giây de động nhất của trái tim người đọc. Trong một bài tạp bút nọ, ông đã có dịp tư tưởng rằng nhà văn cần phải đi sâu vào tâm hồn của họ. Tâm

hồn của ta mãi mãi là một kho tài liệu vô tận cho nghệ thuật. Nỗi nhớ nhung vơ vẩn một buổi chiều, một hành vi nhỏ khiến ta phải hối hận, một nụ cười, một túp nhà tranh bên vệ đường... đó là bao nhiêu đề truyện ngắn nếu nhà nghệ sĩ biết đò sâu tới những nghẽ ngách của tâm hồn để tả những trạng thái phức tạp của nó. Ông Thạch Lam trong nhiều truyện ngắn đã tả rất tài tình cái thơm mát của một ái tình đang ươm trong những lòng trẻ ; cái buồn của ly biệt ; những ý nghĩ, ước vọng của đám người đơn giản của thôn quê; đời nôm na của một cô hàng xén ở chợ huyện, với những hạnh phúc thoáng mơ ước mà không được hưởng ; tình chất phác nhưng tha thiết và trung thành của những cô gái xinh đẹp đối với những bạn lòng đã cùng sống với các cô thuở nhỏ nhưng sau bỏ các cô đi ra tỉnh thành, để một ngày kia lại trở về ; cái rung động khe khẽ của một người cha trông đứa con nằm ngủ trong một cái nôi, v. v . . .

Một lời văn linh hoạt, mềm mại, dễ đi theo các uẩn khúc của tâm tư đã khiến người đọc cảm súc theo nhịp rung động của lòng tác giả và của các nhân vật tác giả tạo nên (Ông Diệu Anh sẽ có dịp nói chuyện kỹ lưỡng hơn về những truyện ngắn của Thạch Lam trên báo Thanh Nghị).

Nhiều đề truyện ngắn đã lấy ở thôn quê. Ông T. L ưa đồng nội và cảnh đời giản dị sau lũy tre xanh, ông tả những công việc của người nhà quê, những niềm tâm tư nhỏ của họ với kinh nghiệm của một nhà văn đã hiểu biết nhiều cái thế giới ông mến yêu.

Đến ông Thạch Lam tác giả những tạp bút về văn chương thì ta chỉ thấy đáng khen ngợi. Có lẽ ông có một quan niệm về thiên chức của nhà văn mà không chắc ai ai cũng đều tán thành, nhưng đề vấn đề ấy ra ngoài sự bàn luận thì những nhận xét và những phê phán của ông về nghệ thuật văn chương đều rất sác đáng. Ông có công dùng những tư tưởng của các danh sĩ Tây Phương về nghệ thuật để cảnh tỉnh những thợ văn ngu muội, vụng về, nắng nặc tự cho mình là thiên tài. Ông đã kể sự thực khi ông nói đến sự lãnh đạm của đại công chúng đối với những tác phẩm nghệ thuật có giá trị bắt phải suy nghĩ, cảm súc sâu xa ; cái kinh nghiệm nồng nỗi, cái sống bên trong hờ hợt của những kẻ nô nức viết văn ; cái đời sống thiếu thốn chật vật của văn sĩ ở xứ ta duyên cớ bởi công chúng không ham ưa đọc sách để nâng đỡ cho các tài năng. Những quan niệm đại cương của ông về nghệ thuật tiểu thuyết đều đáng để ta chú ý. Ta hài lòng bao nhiêu khi đọc bài « *Số phận các tác phẩm văn chương* » trong đó ông cảnh cáo các văn sĩ thứ hạng chớ thấy sách của mình sáng tác bán chạy (được để trên giường chõng của các bà bán hàng rong hoặc các cô ả đào!) mà đã tưởng nay mai mình sẽ bất tử ; bài « *Cảm hứng và làm việc* » trong đó ông dẫn chứng về sự làm việc lao tâm khổ tứ của các văn hào trong thế giới, của các thiên tài đã được các thế hệ công nhận, mong bảo nhỏ các văn sĩ viết « lìa lịa » để kiếm tiền rằng nghệ thuật là một khổ hạnh chứ không phải là một thói phóng túng, một cách sinh nhai. Trong một thời buổi như thời buổi này, khi ở đàn văn ta nhận thấy bao nhiêu ô hợp và hỗn độn, ta đã bao lần ao ước có một Boileau Việt Nam đem tài trào phúng và phê bình sác đáng loại bỏ ra ngoài văn giới những kẻ vô tài và nâng đỡ cho những tài năng chân chính. Thạch Lam, hiền hậu hơn, đã có lẫn, trong những phạm vi nhỏ, đóng vai chàng Boileau ấy.

Ông Thạch Lam mất đi để lại thương tiếc cho các bạn làng văn mến ở ông một tâm hồn nghệ sĩ đáng quý, một sự thành thực trong tư tưởng và tình tình nó là dấu hiệu của một văn tài sứng đáng.

T. N.

(Dưới đây là một tiểu tiết về đời ông do một người bạn thân đã nhận xét, nó có liên lạc đến tính cách văn chương của ông).

....Tôi có thể nói Thạch Lam là một người Việt Nam xâu xa, một người Việt Nam thành thực. Không phải chỉ riêng trong văn chương, trong cuộc sống hàng ngày, Thạch Lam cũng băn khoăn, muốn sống ra một người dân đất Việt.

THẠCH-LAM

DANH VĂN NGOẠI-QUỐC

THẨM-MỸ

Ta có thể biết tư cách của các danh nhân qua những cái gì mà họ không thưởng thức.

VOLTAIRE không hiểu Homère, không hiểu Thánh-Thư ; ông ta phá lên cười khi đọc Pindare ; thái độ ấy chả phác họa được bộ mặt của Voltaire sao ? Tỉ như nhà họa sĩ vẽ một khuôn mặt bảo cái mặt ấy rằng : « Ngươi chẳng đi xa hơn được nữa ».

Gœthe, thông minh xuất chúng bậc nhất, không hiểu Beethoven, — Beethoven sau khi đạo cho Gœthe nghe bản « Sonate en do dièse majeur » (bản đàn mà người ta thường gọi là « Khúc cầm nhạc dưới ánh trăng »), thấy nhà văn hào im lặng lạnh nhạt liền sợ hãi mà kêu lên rằng ; « Sư phụ, nếu người không nói gì, thì còn ai hiểu tôi nữa ! » — Những cử chỉ ấy chả đã định nghĩa cùng một lúc vừa Gœthe, vừa cả Beethoven ư ?

Những sự không biết thưởng thức ấy có thể giải nghĩa lý do như thế này : Không phải là vì ngu xuẩn, chỉ là vì bị mù quáng. Tình yêu nào say đắm cũng chỉ thiết tha một vật, và lòng sủng ái của một chàng trai trẻ đối với người tình khiến chàng ta không cảm thấy cái đẹp của một vật gì khác nữa. Bởi chưng Voltaire chỉ yêu lý trí nên ông ta không thưởng thức những phát biểu tình cảm. Bởi chưng Gœthe say mến Hi-Lạp, cái ái ân trong trẻo và điềm nụ cười của Mozart nên ông ta sợ những dục vọng sôi đầy rầm rộ trong Beethoven — và bảo với Mendelssohn khi ông này dạo đoạn đầu bài « Symphonie en do mineur » : « — Tôi chỉ cảm thấy ngạc nhiên mà thôi. »

Có lẽ người ta có thể nói rằng phàm những nhà sáng tạo đều có thói đem soi lên điểm họ muốn tạo tác một thứ hào quang tinh thần chan hòa sáng lóa đến nỗi xung quanh điểm ấy chỉ thấy tối mù. Trái với thái độ ấy chả phải là thái độ của người đạo lạc tư tưởng hay sao ? Cái gì hắn cũng thưởng thức, bởi chưng hắn chẳng yêu một cái gì tha thiết cả, nghĩa là chẳng yêu một cái gì độc nhất cả.

André Gide (Prétextes)
Dịch giả : DIỆU-ANH

CHÚ-DẪN. — *Pindare :* thi sĩ đạo tỉnh Hi-Lạp, sống trước T. C. giáng sinh.

Homère : thi sĩ cổ Hi-Lạp, tác giả hai tác phẩm anh hùng ca : L'Iliade và l'Odyssée.

Voltaire : văn hào Pháp về thế-kỷ thứ 18.

Gœthe : thi văn hào Đức, tác giả Faust, Werther... (1749-1832).

Beethoven : Nhạc sĩ trứ danh bực nhất của Tây Phương, người Đức (1770-1827).

Mozart : Nhạc sĩ người Áo, nổi tiếng thần đồng thuở nhỏ (1756-1791).

Mendelssohn : Nhạc sĩ Đức (1809-1947).

Thánh Thư : La Bible.

Người đạo lạc tư tưởng : le dilettante.

Khúc cầm nhạc dưới ánh giăng : Sonate au clair de lune, một bản nhạc trứ danh của Beethoven.

THẠCH-LAM

Cho văn chương là một bài học về nghệ thuật sống, Thạch Lam thường dùng cuộc sống làm một trường thí nghiệm để tìm tòi lấy cái hay, cái đẹp và nhất là lấy ý nghĩa của một cách sống, nếu không hoàn toàn thì cũng giữ được nguyên căn bản Việt-Nam.

Thạch Lam ở nhà tranh, thích dùng những đồ đạc đơn sơ, mộc mạc: ghế mây, giường gỗ phên trúc, mành tre. Thạch Lam hứng trí như vừa viết song một tác phẩm hay khi được một cái tủ tre ghép dản dị, hay một cái bát sành da lươn cũ kỹ mà chỉ Thạch Lam mới biết và mới làm cho biết được vẻ đẹp thanh tú hay khỏe mạnh. Ta không nên lạ khi thấy Thạch Lam suýt soa mở tiệc khánh thành một chiếc ghế mới hay ăn mừng việc tìm thấy một cái khay khảm cổ sơ.

« Ăn để mà sống » là một triết lý đã cũ rồi và về hương vị một thứ rượu hay một món ăn tôi cũng thấy Thạch Lam trầm ngâm suy nghĩ như về một áng văn tuyệt tác.

Có một tấm hồn ý nhị và tinh tế Thạch Lam không bao giờ nỡ không thưởng thức một thú vị thanh tao và thâu thái được rất dễ dàng, những hương sắc đậm đà hay mơ hồ của đời sống Việt nam. Ngồi uống trà ở bờ hè hay xem trăng bên gốc liễu, nếm một đĩa rau hay thưởng-thức một đóa hoa, Thạch Lam lúc nào cũng tiếp cảm được cho những người xung quanh vẻ đẹp vị diệu, ý nghĩa xâu sắc của những thú ấy khiến cho ta thấy cuộc đời đáng quý hơn lên.

Gật gù nếm một chén nước vối cũng thận trọng như ngắm cảnh vĩ đại của mặt trời mọc trên biển, Thạch Lam trong từng cử chỉ, từng hành động nhỏ đều hết lòng chân thành, hết lòng quý hóa làm cho đời sống tự nhiên đẹp đẽ và đáng sống hơn lên.

Bầy tỏ cho những người vong bản biết đến vẻ đẹp của sông núi rất xưa và rất mới, đến của quý của đất nước giầu có và phì nhiêu. Cái dụng tâm của Thạch Lam thực có một ý nghĩa chí thành đáng kính mộ vậy.

Hồi còn khỏe Thạch Lam thường vẫn ao ước cùng tôi:

— Ngày nào có đủ tiền, anh với tôi sẽ chít khăn nhiễu tam giang, mặc áo the ba chỉ, đi guốc kinh, rồi trống gậy trúc lang thang hết làng này đến thôn mạc, khắc trong nước, xem ngắm được hết cảnh đẹp của mọi vùng, thụ trưởng được hết của ngon vật lạ của từng thổ ngơi thì mới thực là thỏa thích.

Nhưng, than ôi! Ngày ấy chưa có và cũng không thể có được nữa!

Thạch Lam mất đi không những là làng văn Việt-Nam thiệt mất một anh tài mà quốc dân ta cũng thiệt mất một phần tử tâm huyết và trung thành vậy. . . . . .

HUYỀN-KIÊU

VÕ-ĐỨC-DIÊN

ARCHITECTE D. P. G. L.

N° 3, Place Négrier — HANOI

TÉLÉPHONE : 77

HỌC CHỮ NHẬT

Muốn biết chữ **Nhật** mau chóng thì nên mua cuốn **« Nhật-Ngữ-Tự-Học »** của Nguyễn Ngọc-Loan soạn. Chữ Nhật giảng Quốc-ngữ và chữ Pháp, dạy rõ mẹo luật, tự mình học lấy, dễ hiểu chóng biết, đã được quan **Tổng-lãnh-sự** Nhật đề tựa và bản khen rằng: **« Từ trước đến nay chưa từng có cuốn sách nào có qui thức như vậy, nó sẽ là cuốn sách học chính của cả mọi người »** v. v. Giá bán: **2$00**, thêm cước gửi **0$70**. Ngân phiếu xin đề cho ông:

NGUYỄN DI-LUÂN

DIRECTEUR

Nam-thiên thư cục

N° 37, Rue des Pipes — HANOI

ÂM-NHẠC LỐI HÁT Ả-ĐÀO

TRỐNG CHẦU

Nguyễn Xuân Khoát

Trong cuộc sinh hoạt của người Việt nam ta, mỗi khi phải dùng đến âm nhạc thì thế nào cũng có « Trống »

Vào ngày hội ngày hè, kỳ sưu thuế, vụ đê điều, thì chiếc « trống cái » oai nghiêm hay thúc giục đã làm vang động cả làng xóm ; khi rước sách thì có bộ « trống cà rùng » long trọng và đường hoàng ; Buồn tẻ như chiếc « trống cơm », « trống bản » thì dùng vào việc đưa đám ; khi nào phải báo hiệu hay ra lệnh thì có chiếc trống khẩu, còn như hát chèo, hát tuồng, cúng bái, thì phải dùng tới mấy thứ trống một lúc cả « trống cái » « trống đế » lẫn « trống cơm »; Riêng về lối hát ả-đào này : có một chiếc « trống chầu » thôi (cao 15 phân, mặt rộng 15 phân)

Tùy ở người cầm trống, tiếng trống có khi nghiêm - chỉnh, có khi cợt nhả (1), có khi cám (2), có khi vang nhưng bao giờ cũng có một công dụng rõ rệt : điểm *mạch điện* khiến cho ta cảm thấy rõ ràng *sự hết* đoạn *sự hết* câu.

Công dụng của tiếng trống chầu

Biết được công dụng chiếc cột của gian nhà gỗ, hiểu được tại sao cột lại phải là một cây gỗ vừa to vừa lớn và nhận được những chỗ cột phải dựng thì không có nhẽ nào lại không biết được sự ích-lợi của tiếng trống, vì sao tiếng trống lại phải là một thanh-âm kêu và mạnh và những lúc nào phải điểm trống khi ta nghe âm-nhạc bằng con mắt nhà kiến-trúc, coi đoạn nhạc của lối hát Việt-nam này như là một gian nhà gỗ mà điệu phách là sà là ruỗi mà tiếng trống với tiếng chát (3) là cột là kèo.

Đọc tới đây chắc các bạn đọc âm nhạc Âu-Tây cũng thấy rằng tiếng trống của mình có một công dụng như những tiếng trầm (basses) trong âm nhạc Âu-Tây, chỉ khác là dàng này là một viên đá to và nặng dùng làm nền móng. Những tiếng bổng chìm cùng một hiệp âm (accord) trong một bản nhạc Âu-Tây đã sếp đặt lên nhau đã hòa hợp vào với nhau như gạch, đá, vôi cát của một bức tường — Âm-nhạc Âu-Tây là chiếc nhà gạch, âm nhạc Đông-Phương là gian nhà gỗ.

Tiếng trống trong khúc nhạc giáo đầu

Biết được chiếc sà giải ngắn tới đâu thì việc dựng cột cho chắc nhà không còn là khó nữa ; nên ở khúc nhạc giáo đầu này tôi đã chỉ biên những điệu phách thôi, vì công việc bào gọt chiếc cột sao cho tròn cho ngay ngắn đặt cột sao thoáng cho cân-đối nghĩa là công việc nan nót tiếng trống sao cho sinh cho tròn điểm trống thế nào cho tài tình là thuộc về phận sự của người cầm trống.

Người cầm trống

Là một thính giả, nên ngoài cái phận sự một nhạc công, người cầm trống còn có phận sự một người biết nghe nữa : nghĩa là ngoài việc điểm cho đủ tiếng trống, có sáng kiến lựa tron sếp đặt tiếng trống với tiếng chát (1) có ý tứ biết bài nào nên dậm tiếng bài nào nên thưa tiếng, bài *nào phải đưng đỉnh*, bài nào có thể *bay bướm đùa rỡn được*, người cầm trống còn phải biết chữ nào, tiếng hát nào, tiếng đàn nào nên thưởng nên khen nữa.

1·) Có hai lối đánh chầu : một lối đứng dắn thưa thốt, ít tiếng, dễ nghe, lối này khó, được nhiều người hoan nghênh ; một lối cợt nhả gọi là chầu « sực-tắc » hay « cải lương », rậm tiếng ; đào nương dễ hát, nhiều người không ưa. Thật ra lối này rậm tiếng quá thành ra cũng không còn có chỗ mà thưởng thức câu hát nữa, nhưng nếu điều độ một chút và đi với một bài hát vui vẻ có ý châm biếm hài hước thì dùng đến cũng hợp.

2·) Ngồi cầm trông cũng có hai cách: một cách lấy tay bịt mặt trống, đã nhiều người bỏ vì giáng ngồi hơi bị câu thúc, một cách không bịt mặt trống, trông có vẻ chững chạc hơn.

(3) Ngoài tiếng trông lại còn có tiếng chát dùng để khen thưởng tiếng đàn tiếng hát, để điểm câu văn và để chen vào với tiếng trống, thay đổi khổ trống.

(4) Thay đổi tiếng trống với tiếng chát ta có thể tìm ra được, từ một đến năm tiếng, trong đó có hơn chục khổ thường dùng và đã thành tên như : Song châu. liên châu, xuyên tâm, chính diên, v. v.

(Xem tiếp trang 22)

« BỐN CHỮ » TRONG VĂN-CHƯƠNG VÀ LỐI « TÁ-ÂM »

BỐN chữ, (jeu de mots) lối chơi văn-chương của người Pháp chính là lối « tá âm » của ta hay dùng trong thi ca, và nhất là trong câu đối.

Thế-kỷ thứ 17, 18 là hồi văn-chương toàn-thịnh bên Pháp. Các « tao đàn » (salons littéraires) do các bà các cô quý phái chủ trương mở ra rất nhiều. Đó là chỗ hẹn-hò của các tao nhân mặc khách đến dấy để bàn luận văn-chương và cũng là nơi họ đua nhau giở tài « hùng biện » cố nói những cậu dĩnh-ngộ, nốt hái được nụ cười cảm-phục trên môi các giai-nhân. Họ hay dùng nhất lối « tá âm », nghĩa là cách lấy những tiếng đồng âm để tạo thành những câu hóm-hỉnh tài tình. Các nhà văn thời ấy chắc không ngờ đâu rằng ở một nước tận cùng châu Á, có những nhà nho búi tó, răng đen, cũng dang tiêu-khiển bằng một lối chơi văn-chương như mình và có các nữ thi sĩ như bà Thị-Điểm, cô Hồ Xuân-Hương — tuy không mở tao-đàn — nhưng cũng dùng lối « bốn chữ » để ra những câu đối oái-oăm thử tài các văn nhân như ông Trạng-Quỳnh hay ông Chiêu-Hổ. Chắc ai cũng biết những câu « Da trắng vỗ bì-bạch » hay « Song song là hai cửa sổ, hai người ngồi cửa sổ song-song » làm cho Trạng-Quỳnh vò đầu dứt dứt cả... búi tó mà không đối nổi.

Nhà đại văn-hào Pháp, ông Anatole France lúc còn niên thiếu, một hôm giờ triết-học không chịu nghe, mắt mơ-màng nhìn ra cửa sổ. Giáo sư đang giảng về Descartes, ngừng lại, mắng rằng: « Anh nghĩ đến gì thế? Anh không nghe à? » « A quoi pensez vous? Vous ne suivez pas?) Ông thản nhiên giả lời : « Thưa thầy con nghĩ, vậy là con nghe. » (Je pense, donc je suis).

Muốn hiểu sự tài tình của câu này phải biết câu có tiếng của nhà triết học Descartes. « Ta nghĩ tức là có ta ». (Ở trên đời này) : Je pense, donc je suis.

Câu giả nhời của ông Anatole France chính đã dùng lối tá âm đó. Chữ suis (verbe être) nghĩa là (có ở trên đời này) (exister) đồng âm với chữ suis (verbe suivre) nghĩa là theo, nghe.

Bên ta có ông Nguyễn Hòe, năm 12 tuổi đi thi, vị quan chủ khảo cũng tên là Hòe, nên người ướng tên gọi trệch là Huề, ông không thèm giả lời. Sau thấy ông cứ chạy đi chạy lại người ta hỏi tên, ông nói to : « Tôi tên là thằng Hòe. » Biết là có ý sược, ông chủ khảo sai nắm cổ lại và ra câu đối bắt đối. Ra rằng :

Lạn tương như, Tư-mã tương như, danh tương như thực bất tương như.

Trong câu này hai chữ « tương như » vừa là tên người, vừa có nghĩa là « giống như ». Ông Lạn Tương-Như và ông Tư-Mã Tương-Như, hai ông tuy tên giống nhau (tương như), nhưng công nghiệp không giống nhau (danh bất tương như). Có ý nói : anh đừng hỗn, ta với anh hai người tuy cùng tên là Hòe, nhưng một đằng quan, một đằng học-trò, bì làm sao được.

Ông Hòe đối ngay lập tức :

Ngụy vô kỵ, Trưởng-Tôn vô kỵ, bỉ vô kỵ, ngã diệc vô kỵ.

Ngụy Vô-Kỵ và Trưởng-Tôn Vô-Kỵ, hai ông cùng tên là Vô-Kỵ, ông tên là Vô-Kỵ, tôi cũng tên là Vô-Kỵ. Câu này cũng như câu trên, đều dùng lối tá âm. Chữ « vô kỵ » vừa là tên người, vừa có nghĩa là không sợ, ông Hòe có ý nó : « Ông không sợ tôi, tôi cũng chẳng sợ gì ông ».

Ông chủ khảo tức lắm, lại ra câu đối nữa :

Xỉ tinh cương, thiệt tinh nhu, cương tinh bất như nhu tinh cửu. (Răng vốn rắn, lưỡi vốn mềm, rắn hay gãy sao bằng mềm bền dai). Có ý mắng ông Hòe bảo đừng ngông-nghênh, phải nhũn-nhặn.

Ông Hòe đối :

Mi sinh tiền, tu sinh hậu, tiền sinh bất nhược hậu sinh trường. (Lông-mày mọc trước, râu mọc sau, mọc trước ngắn, sao bằng mọc sau dài). Có ý nói dẻ trước dại sao bằng đẻ sau khôn.

Trích trong quyển « Văn dàn bảo giám ».

a) Một vài câu dùng cách « tá âm » có tiếng của người Pháp

Một nhà văn người sấu-si, thường được người ta tặng cho cái biệt hiệu : Le laid condensé, (cải sấu chung đúc vào cả một người) : Chữ laid condensé còn có thể viết : lait condensé sữa đặc. Một hôm nhà văn ấy vào hàng café, bà chủ muốn nhạo ông ta, cất tiếng gọi bồi : « Apportez du café au lait ». (Lấy cà-phê sữa đây ». Nhưng chữ « lait » còn có thể viết được « laid » (sấu), nên câu ấy còn có nghĩa : « Mang ngay cà-phê cho ông sấu ông ấy uống ». Nhà văn không tức giận, thản nhiên nói : « Madame, vous avez du bon café, mais vous n'avez pas de bon thé ».

VIỆT - NAM TRONG VĂN - CHƯƠNG PHÁP

Vũ Bội-Liêu

(Thưa bà, bà có cà-phê tốt lắm, nhưng bà không có trẻ tốt, vì chữ « bon thé » đọc nhanh thành ra chữ « bonté » (lòng tốt), nên câu này còn có nghĩa : « Bà thiếu lòng tốt, tôi sấu mặc tôi, bà không nên nhạo tôi như thế. »

Một bà kia mặc áo thường hay để hở nhiều vai và ngực, một hôm gặp một nhà văn — có người bảo là ông Balzac — ông vô ý chạm vào bà, bà mắng ngay : « Quel fichu annimal ! » (tiếng chửi của người Pháp : Con vật sấu sa này !) Ông giả lời lập tức : « Voilà un fichu qui serait mieux sur vos épaules que dans votre bouche ». Nghĩa là : Cái fichu ấy nếu ở trên vai bà còn hơn ở trong miệng bà ra ». Chữ fichu trong câu « fichu annimal » là tiếng tĩnh tự (adj) nghĩa là sấu, nhưng nó còn là tiếng danh từ (nom) và có nghĩa là cái khăn quàng cổ. Nhà văn sĩ có ý nói : « Bà không nên dùng những tiếng thô bỉ như thế (fichu annimal) và bà nên có cái khăn quàng (fichu) để che bớt vai và ngực đi thì hơn.

Một nhà văn một hôm hỏi một bà tính hay nói huyên-thiên, không ra đâu vào đâu và đã làm mếch lòng nhiều người : « Thưa bà, bà có biết một tấm gương khác một người đàn bà thế nào không ? » (Madame, savez-vous quelle différence il y a entre une femme et une glace ?) Bà ta không giả nhời được, nhà văn liền giảng : « Une glace réfléchit sans parler, tandis qu'une femme parle sans réfléchir ». (Một tấm gương biết chiếu mà không biết nói, còn một người đàn bà biết nói mà không biết... nghĩ vì chữ réfléchir ngoài nghĩa chiếu lại còn nghĩa là nghĩ nữa.) Bà kia không chịu kém, hỏi lại ngay : « Thưa ông, ông có biết một người đàn ông khác một tấm gương thế nào không ? » Bây giờ đến lượt nhà văn đứng ngây ra không giả nhời được. Với một nụ cười chế-nhạo bà ta giảng : « Une glace est toujours polie, tandis qu'un homme souvent n'est pas poli ». (Một tấm gương bao giờ cũng bóng, còn một người đàn ông có nhiều khi không... được lễ phép, vì chữ poli nghĩa là « bóng » còn có nghĩa là « lễ phép » nữa).

Một hôm khác nhà văn lại gặp một bà nọ, cứ giương mắt nhìn tròng-trọc. Bà tức quá hỏi :

« Qu'est ce que vous avez à me considérer ? » (Ông làm gì mà nhìn tôi tròng-trọc như thế ?) Ông giả nhời : « Madame, je vous regarde, mais je ne vous considère pas. » (Thưa bà, tôi nhìn bà, nhưng tôi có dám nhìn tròng-trọc đâu). Nhưng vì chữ considérer (nhìn tròng-trọc), còn có nghĩa là « kính trọng », nên câu giả nhời của nhà văn còn có ý nói : « Thưa bà, tôi nhìn bà, nhưng tôi... chẳng coi bà ra gì đâu. »

b) Vài tỉ-dụ trong câu đối của ta

Trong câu đối ta, cách dùng lối « tá âm » như thế rất nhiều. Dưới đây chúng tôi xin kể những câu tài tình nhất :

Ai công hầu, ai khanh tướng, trong trần ai, ai dễ biết ai. Thế chiến quốc, thế trung thu, gặp thời thế, thế thời phải thế. (Đặng Trần-Thường và Ngô Thời-Sĩ).

Câu đối dán hàng thịt lợn (của cụ Yên-Đổ).

— Tứ thời *bát tiết canh* trung thủy. Ngạn liễu *đôi bồ dục* điểm trang.

Câu đối dán quán hàng nước (Lê Thánh-tôn).

— Nhà *giầu* tính vốn kèn *cợi*, con cháu nương nhờ nửa *ấm*, việc *nước* ra tay chuyên *bát*, bốn phương đâu đấy lại *hàng*.

Câu đối của chị thợ ruộm khóc chồng :

— Thiếp kể từ lá *thắm* xe duyên, khi vận *tía*, lúc cơn *đen*, điều dại điều khôn nhờ bố *đỏ* (chồng). Chàng ở dưới suối *vàng* có biết, vợ má *hồng*, con răng *trắng*, *tím* gan tím ruột với trời *xanh*.

Đen, trắng, xanh, đỏ, tim, vàng, hồng, tía thật đủ các mầu... thợ ruộm.

Cô đầu khóc mẹ (Yên-Đổ).

— Giầu làm *kẹp*, hẹp làm đơn, tống tàng cho yên hồn phách mẹ. Cá kề *đầu*, rau kề mớ, *tình tang* thêm tủi lũ *đàn* con. (Chữ « tình tang » nghĩa là tình con để chở mẹ, lại còn là tiếng đàn).

Câu này hay, không những vì có những chữ : đầu, kẹp, đàn, phách, mà còn vì những tiếng « tống táng, tình tang » đọc lên như nghe thấy tiếng đàn vậy. Lối này người Pháp gọi là harmonie imitative (mỹ âm hòa điệu).

Vợ thợ rèn khóc chồng. (Yên-Đổ)

— Nhà cửa để làm *than*, con thơ ấu lấy ai *rèn* cập. Công danh đành bỏ *bễ* (bỏ bễ : bỏ hẳn), vợ trẻ trung lắm kẻ *đe* loi (đe loi : bắt nạt).

Câu đối mừng một ông quan võ có một mắt :

— Cung kiếm ra tay, thiên hạ đỗ dồn *hai mắt* lại. Triều đình cử mục, anh hùng chỉ có *một người* thôi.

— Đọc ba trăm sáu mươi quyển *kinh*, chẳng

Phật, Thánh, Thần, Tiên, nhưng khác tục. (câu đối của một ông sư ra.)

— Hay tám vạn nghìn tư mặc *kệ*, không Quân, Thần, Phụ, Tử đếch ra người. (ông Nguyễn Công-Trứ đối.)

Bà Thị-Điểm một hôm soi gương vẽ lông mày, ông anh là ông Luân, ra cho bà câu đối này :

— Đối kính họa mi, nhất *điểm* phiên thành lưỡng *điểm*. (Soi gương vẽ lông-mày, một bà Điem thành hai bà Điểm, hay là : một nét hóa thành hai nét, vì chữ « điểm » nghĩa là « nét ».)

Bà liền đối :

— Lâm trì ngoạn nguyệt, chích *luân* chuyển tác song *luân*. (Vào ao xem trăng, một ông Luân thành hai ông Luân, hay là : một vầng trăng hóa hai vầng trang, chữ « luân » nghĩa la « vầng ».)

Còn một ít câu đối chúng tôi kể dưới đây, cách dùng « tá âm » rất tài tình, nhưng giá-trị văn-chương không bằng được những câu trên kia.

Một thiếu nữ tên là Sen, ra câu đối này cho một anh học-trò muốn lấy mình, tên là Quế :

— Cô *Sen*, mặc yếm cánh *sen*, đứng cạnh hồ *sen* chờ người Quân tử.

Cậu Quế đối lại :

— Cậu *Quế*, khoác áo cành *quế* (khoác áo vào cành cây quế), chèo lên cung *quế* bế chị Hằng nga.

— Con giai Van-*cốc* lên dốc bắn *cò*, đứng lăm *le*, cười khanh *khách*. (tên các thứ chim).

Con gái Bát-*tràng*, bán hàng thịt *ếch*, ngồi chầu *chẫu*, nói ương *ương* (tên loài ếch nhái).

— Con *cóc* leo cây vọng *cách*, rơi phải cái *cọc* nó *cạch* đến già (cóc cách cọc cạch).

Con *công* đi qua chùa *kênh*, nó nghe tiếng *cồng*, nó *kềnh* cổ lại. (công kênh cồng kềnh).

— *Cha con* thầy thuốc *về quê*, gánh một gánh *hồi hương* (tên vị thuốc, lại có nghĩa là về quê), *phụ tử* (tên vị thuốc lại còn nghĩa là cha con). (Câu này chưa ai đối được).

BÁO MỚI

1·) ĐỒNG-PHONG TẠP-CHÍ, văn chương và mỹ-thuật do ông Lê-phát-Vĩnh sáng lập và ông Lê-Điều chủ trương. Số đầu đã ra ngày 6 juillet 1912. Tòa báo : 327 Rue Paul Blanchy prolongée, Saigon.

2·) THANH-NIÊN TUẦN-BÁO do ông Vương quý-Lê chủ trương. Số đầu ra ngày 1er Aout 1912. Tòa báo : 32, Victor Olivier. Saigon.

Xin chào mừng bạn đồng-nghiệp mới và thành thực chúc hai tờ báo trên trường thịnh.

— *Thủ thỉ* chém *đầu lợn*.

Hung hổ mổ *bụng hùm*.

Câu đối đánh vần quốc ngữ !

— Tặc tắc hoan hoàn, tê ư tư sắc tử — Binh bình thoại thoái, hát ô hô huyền hồ. (Giặc hết vui về, về đến đây nhà vua cho sắc. Chiến tranh đã hòa bình, quan trên cho về, reo lên treo cung không đánh giặc nữa.)

— *Con ngựa đá con ngựa đá, con ngựa đá* không đá con ngựa.

Trắng mù nhìn thắng mù nhìn (bồ nhìn) *thắng mù nhìn* không nhìn thắng mù.

— Ruồi *đậu mâm sôi, mâm sôi đậu*.

Kiến *bò đĩa thịt, đĩa thịt bò*.

— Ông *thông* đến gốc cây *đề*, ông thông không đi là ông *thông lại*.

Ông *tú* qua cửa *cống* (hương cống : cử), ông tú nhảy được là ông *tú tài*.

(*Còn nữa*)

VŨ BỘI-LIÊU

ÂM-NHẠC LỐI HÁT Ả-ĐÀO

(Tiếp theo trang 19)

Có làm một nhạc công thì mới hiểu được rằng sự thông cảm của thính giả cần cho việc tấu nhạc là thế nào ; cho nên thiết tưởng không còn có cách nào *hoàn toàn, kín đáo, tỉ mỉ* để tỏ rằng thính giả hiểu biết là giao cho thính giả một nhạc khí buộc thính giả vào một chức vụ.

Một chức vụ không dễ rãi không vắn tắt, không a-dua như việc vỗ hai bàn tay vào nhau để khen. Một chức vụ mà phải thính tai (khen tiếng đàn tiếng hát) phải thông minh (trọn khổ trống, chấm câu văn) phải mất nhiều công phu (gọt tiếng trống) phải có bản năng (cảm thấy điệu) phải có óc sáng tác (đặt bài hát, sếp tiếng trống) thì mới làm được trọn và lẽ tất nhiên khi đã cầm được trống hẳn là có nhiều thú vị.

Tiếng phách cuối cùng của khúc nhạc giáo đầu này đã gieo..... Đào nương bắt đầu lên tiếng hát :

« *Đàn ai một tiếng dương tranh ?*

« *Chưng thuở ngọc-ô chừng não nùng ! chiều ai oán !*.....

NG X KHOAT

Về bài « Trống Chầu » Trang 19 cột hai, ở bốn giòng cuối thiếu một câu xin đọc là :... năm tiếng, hơn hai chục khổ trống, trong đó...

Kỳ sau : ĐÀO NƯƠNG

ĐỨA CON

Tiểu - thuyết của

ĐỖ ĐỨC - THU

(Tiếp theo)

KHÔNG khi nào Quì chịu nhận là phải. Nàng cũng không bằng lòng cho Huy ngờ vực tình yêu của nàng. Nàng quên hẳn rằng chính nàng vừa ngờ Huy. Nàng được ngờ Huy, nhưng không cho Huy quyền được ngờ nàng. Huy đã tiếp:

— Còn chuyện em định về Bắc nữa, cũng chưa chắc.

— Sao lại không chắc? Em đã nhất định rồi kia mà.

— Mặc, nhất định thì nhất định. Anh chắc em không đi. Chẳng tin thì đánh cuộc xem.

Quì phì cười:

— Ừ. đánh cuộc thì đánh cuộc. Thế nào em cũng đi.

— Huy đủng đỉnh:

— Đã chắc, thì nhận đánh cuộc đi. Xem ai được.

— Được rồi. Đánh cuộc thế nào?

— Tôi bảo rằng Quì xẽ cứ ở đây với Tinh Chị Nga xẽ về Bắc một mình. Chắc chắn như thế.

Quì đã hơi mất vẻ quả quyết, hỏi Huy:

— Tại sao anh lại chắc như thế?

— Đó là điều bí mật riêng của tôi. Để xem rồi có đúng không.

Quì ngả lên người Huy nhìn vào mặt chàng:

— Ừ, nếu em không đi, thì anh bảo ra sao?

— Đợi đến lúc ấy đã. Anh xẽ có chuyện nói với Quì. Nhưng phải đợi đến lúc được cuộc. Bây giờ, Quì đã nhất định đi thì còn biết nói gì!

Quì ngồi ngay người:

— Thế nào em cũng đi. Thế nào anh cũng thua cuộc.

Huy mỉm cười:

— Thì đành vậy. Nhưng chưa chắc lắm!

— Anh đáng ghét lắm. Lúc nào cũng ra bộ bí mật, khó hiểu...

— Hãy còn ghét kia à? Khi xưa Quì ghét anh, đâm lấy Mậu. Bây giờ lại ghét nữa, thì liệu có thể bỏ được Mậu không! À quên, mình chưa nói đánh cuộc bằng cái gì?

Chàng nắm hai cánh tay Quì, kéo nàng sát vào người, nói nhỏ:

— Đánh cuộc bằng cả người.

Hòa khi đã trở lại. Đúng như lời Huy, Quì như trẻ con, tâm tình không có chủ đích. Mừng đấy, giận đấy. Nàng đương bực với Huy, mà một câu chuyện đánh cuộc đã đủ làm vui vẻ. Muốn cho Quì để tâm, nghĩ luôn luôn đến việc gì, phải có một nguyên nhân kích thích luôn luôn bên cạnh. Như khi ở với Mậu, phải có người vợ cả lúc nào cũng sờ sờ trước mắt, và những chuyện ghen tuông, ganh tị hàng ngày.

Nằm bên cạnh Huy, Quì đã có linh cảm là xẽ thua cuộc. Thua thì thua, nàng cũng không ân hận nỗi gì.

XX

Bà Mậu đã về một mình. Quì đã tìm cách ở lại. Hôm đi, người chị dặn giò Quì trông nom Tinh, hôn thằng bé hai ba lần rồi mới chịu bước ra xa. Bà cụ dặn với:

— Phải nhớ, giữ dìn cho cẩn thận. Hễ thấy khác thì tiêm thuốc ngay đi.

— Vâng. Để cứ yên tâm, con nhớ rồi.

— Mấy hôm nay, bà mẹ luôn luôn nói với người chị những câu như thế. Hình như có việc gì nguy hiểm, lúc nào cũng phải đề phòng. Không phải việc nàng, và mẹ với chị cũng không muốn cho nàng biết, Quì không để ý đến. Người chị đi khuất, Quì thấy được tự do, thả lỏng hơn. Thực ra, bà Mậu cũng chẳng cần đoán gì nàng, nhưng ở đây thì dù sao cũng là một trở ngại Quì không được tự do đi tối, về khuya.

Quì lại nằng nặc với Huy. Huy đã được cuộc, được một cách rất dễ dàng. Anh chàng đã biết chắc là Quì không đi. Chàng hứa xẽ có chuyện nói với Quì, giải quyết cảnh ngộ chung cho cả hai, nhưng lúc ấy, Huy lại không nói gì. Quì cũng không muốn hỏi. Sự cần kíp đã qua, nàng không muốn gợi ra câu chuyện nàng vẫn muốn tránh. Cứ gặp Huy như thế này, người con gái đã cho là đủ lắm. Nàng không muốn gì thêm, không nghĩ xa. Tình yêu cũng không còn nồng-nàn như trước, nàng gặp Huy bây giờ cũng chỉ do một thói quen, thói quen của những cặp nhân tình tuy không đằm thắm yêu nhau, nhưng gặp nhau thì cũng thấy hay hay.

Huy có lúc nhắc đến, thì Quì bịt ngay lấy miệng:

— Đến đâu hay đó. Nói lắm, em rối ruột lắm.

— Không suy tính trước, thế nhỡ có con với nhau thì sao?

— Có con thì càng hay, thì nuôi. Lúc ấy xẽ hay, việc gì mà phải nghĩ từ bây giờ.

Rồi Quì nhẩm tính. Nếu việc đó sảy ra, nàng thấy khác trong người, thì hàng chỉ về ở với Mậu ít ngày là xong suôi cả. Quì đã có chỗ thoát thân, mà không dám cho Huy biết. Chắc Huy không

chịu lối thu sếp ấy. Thì chàng xẽ định thế nào? Quì tặc lưỡi.

Ngày tháng theo nhau, và cuộc đời của họ cũng trôi theo. Họ kín đáo, khéo giấu, nên không bị tai tiếng. Hang phố vẫn tin rằng Quì về ở nhà chỉ vì không chịu được cảnh cả lẽ. Có người lại thương nàng còn trẻ tuổi mà đã ra phận vị vong.

Quì tưởng chừng sống được mãi như vậy. Nhưng một chuyện sảy ra.

∴

Ngươi đưa thư gõ mấy tiếng, xẽ đẩy cánh cửa:

— Ở đây có ai là Quì, ra nhận một cái giây thép.

Quì chạy ra.

— Có, giây thép hở ông? Ở đâu?

— Cô xem thì biết. Cô ký vào đây cho.

Quỳ ký vào mảnh giấy nhỏ. Người phát thư trao cho nàng tờ giấy xanh còn niêm kín, lạnh lùng quay ra. Bà mẹ đã bắt đầu bồn chồn từ lúc thấy có giây thép. Những người già, đã an với một cuộc sống phẳng lặng, không ưa gì những mảnh giấy xanh nó thường báo chuyện bất thường.

Bà cụ hỏi Quì:

— Giây thép gì thế con?

Quì mở vội, xé rách cả tờ giấy, nhìn ngay xuống chữ ký:

— Thưa đẻ, giây thép của anh Mậu.

— Thế à? Nó nói gì?

Quì đọc:

— «Việc cần lắm. Đẻ gà Quì lên ngay.»

— Rõ thật khổ!

Theo ngay một tiếng thở dài, nhiều ý nghĩa nhẫn nại hơn là đau đớn. Quì cũng thấy hồi hộp, nhìn mẹ. Bà cụ lặng im nhìn xuống đất như không bị kích thích gì về câu gọi cần kíp của Mậu. Giờ lâu, bà cụ hỏi:

— Mấy giờ rồi con?

— Thưa đẻ mười giờ.

— Thế thì liệu sắp sửa mà ra chuyến ô-tô mười một giờ, may ra thì còn lên kịp hôm nay.

— Thưa kịp làm sao được. Đến Hà-nội thì đã tối rồi. Đẻ định đi à?

— Thì phải lên, chứ biết làm sao. Ở Hà nội hình như có chuyến tầu tối, đi ô-tô mười một giờ, thì may ra kịp. Con sắp sửa ngay đi.

— Chẳng biết việc gì mà cần thế!

Bà mẹ không nói, lại thở dai. Quì thấy hình như bà mẹ biết nhiều hơn nàng. Nhưng sao mẹ lại không nói, và mỗi lúc nét mặt lại rầu thêm:

— Con liệu cho cả thằng Tính đi, cả con vú nữa. Chưa biết là ở lâu hay chóng, để nó ở nhà, chưa biết lấy ai trông nom nó.

Quì muốn ở lại với con. Nhưng nàng không thể để mẹ ngược mộ. mình, và ý bà cụ thì xem ra đã quả quyết lắm. Nàng đành theo ý mẹ. Gần đến lúc đi, mới thấy bà cụ ra vẻ bồn chồn, sốt ruột. Nhưng bà cụ vẫn nhắc cho Quì công việc sếp đặt, những thức mang theo nếu nhỡ phải ở lâu. Quì lẩm nhẩm luôn câu hỏi: «Việc gì, việc gì mà cần đến thế?» Nàng không thấy câu trả lời, nhưng chắc là không phải để gọi nàng về. Tất phải có chuyện gì lạ lắm, nên mới cần cả mẹ lên. Quì tiu-tít, quên hẳn rằng nàng vẫn không muốn về với Mậu, quên cả nghĩ đến Huy. Lúc đó, ngồi trên xe tay ra bến ô-tô, bên cạnh mẹ, theo sau là xe con vú với đứa con. Quì nhớ ra thì đã muộn. Mỗi vòng bánh xe làm nàng lại gần cái chỗ nàng vẫn ghét.

Quì hỏi mẹ:

— Không biết việc gì mà đánh giây thép cần kíp thế?

Bà cụ nói nhỏ, tự nói với mình hơn là trả lời Quì:

— Không khéo nó lại bị sảy.

Trong giây lát, Quì hiểu hết, rất rõ ràng. Nàng nhớ lại thời kỳ người chị về, những lúc đi lễ bái, những câu chuyện thầm kín và lời dặn dò của mẹ. Thì ra chị nàng đương đợi một đứa con. Cũng như hồi nào, mong đợi đứa con của nàng, tâm tính người chị đã đổi khác ngày thường. Nàng không biết gì, vì không để ý. Nàng tự thấy nàng lơ đãng. Nàng còn bận nghĩ đến Huy, đến những chuyện khác, hơn là đến người chị mà nàng không ngờ là lại có thể có mang Bây giờ, Quì thấy việc ấy rất thường, rất có thể, mà lại có can hệ mật thiết đến đời nàng.

Hồi về nhà, chắc người chị có thai cũng đã được lâu. Nàng về với mẹ đã lâu lắm. Mậu đã quay lại với vợ cả. Cứ như lời Mậu, Quì tưởng chàng không còn bao giờ lành với chị nàng. Nàng đi, lại càng tăng mối ác cảm đó. Quì vẫn tin như thế những lúc nhận thư Mậu đọc những lời tha thiết gọi nàng về. Nào ngờ chỉ toàn là lời giả-dối. Trong lúc gọi nàng, Mậu đã làm lành với người vợ cả. Họ đã hú-hí với nhau. Quì càng ghét Mậu giả dối.

Người chị có mang, Quì thấy có ảnh hưởng mật thiết đến nàng, chưa kịp nghĩ xem nó ra sao, thì đã có tin này đến. Quì cũng tin như mẹ, có lẽ người chị đã bị tiểu sản. Thật là một hình phạt sứng đáng cho chồng và chị. Để xem họ xử trí ra sao.

Tiếc rằng không được gặp Huy, để nói câu chuyện ấy. Lâu nay hai người cũng không có chuyện nói với nhau, chỉ mấy câu tình ái nhắc đi nhắc lại đã đến gần mất nghĩa. Quì cũng không nghĩ đến Huy lâu. Ý nghĩ hỗn độn về tiếng máy ô-tô, nàng lơ đãng nhìn phong cảnh vùn vụt chạy hai bên đường. Bên cạnh nàng, bà mẹ im lìm, nheo hai con mắt sau lần kính đen che gió.

XXI

Có những lớp nhà, cũng như những kiếp người, đã định sẵn là phải chịu cảnh tối tăm. Ánh sáng mang tới, hoặc những cuộc thay đổi sảy ra, phần nhiều chỉ mang tới những chuyện không hay, những tai vạ. Ngồi trên xe, từ xa trông thấy ánh sáng ở các cửa lớp nhà Mậu, bà cụ và Quì lại càng thêm bồi hồi, nghĩ đến lòng tờ giấy thép. Việc gì ? Bà mẹ đã đoán một việc — vợ cả Mậu bị tiểu sản — ngay lúc nhận được tờ giấy xanh nó đến đột ngột, rất nhanh, vì là việc có lý nhất, bà cụ đã nghĩ đến luôn luôn từ lúc vợ cả Mậu về chơi, bà cụ biết là đã có mang. Bà cụ mong đừng sảy chuyện gì, ngày tháng cứ đều đều qua cho tới lúc bà Mậu ở cữ, nghĩa là còn hai tháng nữa. Ngoài hạn ấy, là cả hai mẹ con, nhất là vợ Mậu sẽ hết lo. Điện tín đột nhiên đến, vào giữa cái thời kỳ hay sảy ra tai họa, theo như mấy lần trước, làm bà cụ chắc ngay là chính chuyện ấy. Bây giờ thì bà cụ không chắc lắm. Thiếu gì chuyện có thể làm Mậu đánh giây thép, biết đâu là chẳng đoán nhầm. Bà muốn không tin, thì lại càng thấy lo ngại. Thế thì là việc gì ? Tránh một điều dự đoán không hay, thì lại gặp những chuyện mờ mịt bất thường khác. Lo sợ càng tăng thêm.

Xe đỗ trước cửa nhà Mậu. Quì đợi cho chiếc xe sau, keo con vú và Tinh đỗ, trả tiền rồi bế Tính cho người vú mang va-ly cùng thúng mủng vào nhà. Qua cửa sổ, thấy lố nhố nhiều hình người, nhưng lớp nhà vẫn có vẻ *im lặng, những bóng người như chỉ đi đi, lại lại mà không thấy tiếng huyên náo gì.*

Quì lên tiếng, một con ở vội chạy ra đỡ các đồ vật, và mấy người trong nhà sò ra phía cửa. Họ như đang mong Quì và bà cụ. Quì thấy nhiều mặt lạ, chưa từng đến nhà này, có người lại ăn mặc ra về quê mùa. Bà mẹ đẻ Mậu cũng có đấy, tay cầm một chiếc đũa bông vót dở. Bà cụ chào mẹ Quì :

— Cụ với mợ đã lên.

Nghe tiếng nói nhỏ và ướt, nhìn cặp mắt đỏ hoe và chiếc đũa bông, Quì thấy lạnh người. Mẹ Quì ngồi phịch xuống một chiếc ghế ;

— Vâng, nhận được giây thép tôi vội đi ngay, may kịp chuyến tầu tối. Cụ cũng đã ra ?

Và quay lại Mậu, bà cụ hỏi :

— Thế nào ?

— Thưa đẻ, nhà con...

ĐỖ ĐỨC THU

(Còn nữa)

GIÁO-DỤC VÌ NHÂN-SINH...

(Tiếp theo trang 4)

Nền giáo-dục không vụ lợi, không nhằm sự Sống, là nền giáo-dục vì Học-thuật. Học để học chứ không phải để hành. Học để biết thật nhiều chứ không phải để góp vào cuộc Sinh-hoạt của Tạo-hóa.

Nói rút lại, Giáo-dục vì Nhân-sinh đào luyện cá nhân để Sống, biết sống, thực sống, sống mãnh-liệt trong cuộc sinh-hoạt riêng của mình và chung của cả Đoàn-thể, của cả Nhân-loại, của cả Vạn vật, của cả Vũ trụ, để hòa hợp sự sống của mình với nhịp điệu sinh sinh hóa hóa bất diệt của Thiên-nhiên. « Giáo-dục vì Nhân sinh » không phải chỉ phụng sự đời sống của Người. Nó phụng-sự « Đạo sống » Của Muôn thủa và Muôn loài.

VŨ ĐÌNH-HÒE

TRONG SỐ 16 AOUT:

NHO-GIÁO VÀ KHOA RÈN ĐÚC TÍNH-KHÍ

TUẦN BÁO ĐÀN BÀ

Là bạn thiết của tất cả các bạn gái.

Là món quà quý để các bậc cha mẹ cho con, các ông chồng tặng bà vợ, các anh trai tặng các em gái.

Tờ báo phụ nữ độc nhất ở Đông Dương hiện thời, toàn do các bạn gái chủ trương.

Giá báo 1 năm: 6p.00, 6 th. 3p.00, 3 th. 1p.60.

Mandat mua báo gửi cho :

Mme THỤY AN

Journal Đàn Bà

76, Wiélé — Hanoi

Từ số sau sẽ đăng

TẠP BÚT cua ĐINH GIA-TRINH

(Cảm-tưởng và bàn luận về văn-chương và nghệ-thuật).

VIỆC QUỐC TẾ:

CUỘC CHIẾN-TRANH TỐI HỆ-TRỌNG Ở' AI-CẬP

Anh thua to ở Bắc-Phi. — Tình thế Nga nguy-ngập. — Nhật đổ bộ ở quần đảo Aléoutiennes và đại thắng ở mặt trận Trung Hoa

Nga.

tháng vừa qua, phe Trục đại thắng
rận, gây một tình thế đáng lo ngại
h..

ng mùa hè ở Nga đã đem lại cho
ết quả không ngờ.

stopol, quân cảng quan trọng nhất
bờ Hắc-Hải, bị bao vây từ 17 Juin
ngày 2 Juillet, sau 2 tuần lễ cầm cự
khốc liệt của quân Nga, (người ta
bà t ẻ con mặc nhung phục và cầm
g chiến trong trận đánh giáp lá cà
hà mục đích không phải để cố giữ
g thủ đã gần bị tàn phá hết, nhưng
t thì giờ của quân địch và giảm bớt
ở những nơi khác.

ành Sébastopol Đức sẽ dùng quân
thi tu bổ lại, làm nơi căn cứ về việc
o cả quân đội ở trận tuyến Nga khu
sẽ làm bá chủ trong Hắc-Hải.

uân Đức (dưới quyền chỉ huy của
on Bock và Von Kluge) giao chiến
(do Đại-tướng Timochenko chỉ huy)
ov—Koursk—Rostov, mục đích là cắt
hỏa nối Moscou với miền dầu hỏa
y 29 Juin, quân Đức tấn công dữ
rấn Voronej trên đường xe lửa nối
Rostov. Ngày 7 Juillet có tin quân đội
ành Voronej đường xe lửa Moscou—
đường sinh-lộ của quân đội Nga.
ngại về tình hình nguy ngập của
quân dồ bộ của Nga có thể bị cắt
àn Đức có thể uy hiếp cả miền nam
chiếm miền dầu hỏa Caucase.

y từ 25 Juin. Bộ chiến tranh Mỹ đã
thức lập một chiến-tuyến thứ hai
Âu-châu để chia bớt lực lượng của
ở Nga. Đại-tướng Eisenhower được
ư-lệnh và đóng bản doanh ở Londres.

Mặt trận Bắc-Phi

Đức tấn công ở Bắc Phi mục đích là để kìm ở đấy tất cả những lực lượng của Anh không cho sang giúp cuộc kháng chiến của Nga, sau nữa sự uy hiếp đất đai Đảo quốc sẽ làm giảm việc cung cấp chiến cụ cho quân đội Nga.

Ngày 18 Juin quân cảng Tobrouk (Lybie) bị vây; 24 giờ sau Tobrouk bị thất thủ cùng với Bardia, Bil el Gobi. Mặc dầu trận địa ở giữa sa mạc nóng như một lò lửa, quân đội của tướng Đức Von Rommel tiến nhanh phi thường theo dọc bờ biển Méditerranée. Ngày 23 Juin, tiền quân Đức, Ý tiến đến biên giới Ai-Cập (Egypte); Ngày 26 Juin, các thị-trấn Ai-cập Sollum, Halfaya, Sidi El Barrani lần lượt bị thất thủ. Ngày 30 Juin, quân đội của Thống-chế Rommel chỉ còn cách Alexandrie quân cảng bực nhất của Anh ở miền này, có 150 cây số. Quân Anh của tướng Auchinleck phản công bị đại bại ở phía nam Marsa Matrouh. Ngày 1er Juillet quân Đức, Ý tiến quá El Alamein, nền phòng thủ cuối cùng trên đường đi tới Alexandrie. Tình thế cực kỳ nguy ngập. Dân sự ở Alexandrie được lệnh rời bỏ kinh thành và có tin hạm đội Alexandrie đã ra khơi từ mấy hôm trước và đã qua kênh Suez để thoát ra bể Hồng-Hải. Anh đã dự bị phá Alexandrie và Suez. Ngày 2 Juillet theo tin Đức, đường phòng thủ El Alamein bị thủng và quân Trục đã sang qua chi-lưu đầu tiên sông Nil. Quân của Thống Chế Rommel chia làm hai đội, một đội theo dọc bờ biển để tới Alexandrie, một đội đi xuyên vào miền trung châu sông Nil để chiếm Le Caire thủ đô Ai-cập. Quân Trục chỉ còn cách Alexandrie có 90 cây số

Số phận Ai-cập treo trên sợi tóc. Cả thế-giới ngóng trông kết quả trận cuối cùng nó sẽ có ảnh hưởng vô cùng lớn lao tới cục diện chiến tranh Trục — Đồng-minh.

Alexandrie, Le Caire thất thủ, Anh không những bị trục xuất ở Ai-cập, mà cả đế-quốc Anh bị lung lay vì kênh Suez sẽ bị chiếm cứ dễ dàng, cái chìa

Mặt trận

Trong nửa
ở khắp mặt
cho Đồng-min

Cuộc tấn cô
Đức những k

Thành Séba
của Nga trên
đa bị phá vỡ
anh dũng và
thấy cả dân
khi giới khán
ở các phố), n
một nơi phòn
cốt để làm mấ
sự tấn công

Hạ được th
cảng đó, sau
vận lương ch
phía nam và

Đồng thời q
Thống Chế V
với quân Nga
ở khu Kharko
dứt đường xe
Caucase. Ngà
dội vào thị
Moscou với
Đức đã vào th
Rostov con
Đồng-minh l
Nga. Các đội
làm đôi và q
nước Nga và

Vì vậy, nga
báo tin chính
trên lục-địa
Đức tập trung
cử làm tổng-t

khóa mở cửa những con đường nối Anh với những thuộc quốc ở Á-châu và Úc-châu. Thế lực của Anh ở Trung-Đông sẽ không còn nữa, (có tin dân chúng ở Palestine và Transjordanie đang rục rịch nổi loạn.) Xứ Irak sẽ rứt bỏ sự cộng tác bó buộc với Anh; xứ Iran và Palestine sẽ tìm cách thoát ly sự áp bức của Anh — Nga.

« Cục diện chiến-tranh sẽ thay đổi hẳn, nếu cuộc kháng chiến của Anh ở Ai-cập bị tan vỡ, theo ý các nhà quân sự Mỹ, và chiến tranh sẽ kéo dài thêm mươi năm nữa ». Chiếm được kênh Suez, quân Trục sẽ tiến qua Palestine, Syrie lên tận miền dầu hỏa Caucase, gặp quân của Von Bock ở đấy ; và từ đấy, quân Đức sẽ tràn xuống miền dầu hỏa Irak, rồi tràn sang miền Iran cho dầu phải đi qua một bãi sa-mạc, cũng chưa rùng rợn bằng sa-mạc ở Lybie, rồi qua xứ Afghanistan để gặp quân đội Nhật ở Ấn-Độ. Đó không phải là một chuyện hoang-đường, nếu Anh không cản được nay mai sức tiến mãnh liệt của Đức Ý.

Anh còn lo Tây-ban-nha dự chiến và đánh Gibratar. Thổ cũng chỉ chờ cuộc bại trận của Anh ở Ai-cập để nhất định đi với phe trục và mở eo bể Dardanelles cho tầu chiến Đức. Hạm đội Ý sẽ làm mưa gió trên Địa-trung-hải vì hạm đội Anh đã thoát ra Hồng-Hải. Đảo Malte và Chypre sẽ bị chiếm. Và quân đội Đức Ý sẽ đổ bộ ở Syrie, rồi do đấy tràn sang Irak, Iran, và Ấn-Độ Nga sẽ tự nhiên phải kiệt lực vì không có dầu hỏa và không nhận được tiếp ứng gì của Đồng-minh cả.

Cuộc tấn công của Đức ở Bắc-Phi đáng lẽ chỉ là chiến-lược để giúp cuộc tấn công chính ở Nga, thế mà, vì sự hành quân mãnh liệt của tướng Rommel, trở nên cực kỳ quan trọng và làm lu mờ cả những trận tuyến khác.

Quân Anh sở dĩ bị đại bại là bởi kém hẳn về chiến cụ, sự tiếp tế Anh Mỹ không được đầy đủ vì sự vận tải khó khăn, và bởi nhiều đạo quân tinh-nhuệ Úc đã bị gọi về để chống giữ đất nhà.

Trước tình-thế vô cùng nghiêm trọng này, chính phủ Đảo-quốc đang ráng sức cứu Ai-cập vì đó là trái tim của Đế-quốc Anh mà Anh không thể theo đuổi cuộc chiến-tranh ngay trong một thời kỳ rất gần nếu không nhận được nguyên liệu và thực-phẩm của các thuộc-địa. Chính phủ Anh đã ra lệnh cho những đạo quân thứ 9 và thứ 10 ở Trung-Đông (Syrie, Palestine) sang tiếp ứng cho quân của tướng Auchinleck.

Các nhà cầm quyền Mỹ cũng lo ngại cho tình-thế Ai-Cập. Họ không nói đến việc lập mặt trận thứ hai ở lục địa Âu-châu nữa và coi mặt trận thứ hai đó như hiện đang ở Ai-Cập. Phải ngăn cản hết sức sự tấn công của Đức vào miền Caucase do cả hai đường bắc và nam. Vì vậy sự tiếp tế bằng chiến cụ nhất là phi cơ đã tăng gấp bội. Một số quân Úc cũng vừa tới Ai-cập.

Chiến tranh đang khốc liệt ở trước El Alamein cách Alexandrie 90 cây số. Đường đi đặc biệt khó khăn, như một eo đất tự nhiên thắt lại, một bên là bờ biển Địa-trung-hải, một bên là vũng nước rộng Quatarra.

Ngày 4 Juillet tướng Auchinleck đã cản được sức tiến của quân Đức, Ý ở El Alamein, và tới ngày 10 Juillet vẫn cầm cự với tướng Rommel.

Đó là một tin mừng, song chưa có thể lạc quan về kết quả được. Tướng Rommel giảm bớt cuộc tấn công, chỉnh đốn các phòng tuyến để chờ quan tiếp ứng. Ta phải đợi trong mấy ngày nữa mới biết rõ tình-thế Ai-cập sẽ ngã ngũ thế nào.

Mặt trận Thái-Bình-Dương và Trung-Hoa

Chiến sự của Nhật trong nửa tháng vừa qua, ở Thái-Bình-Dương lại giúp phe Trục trong cuộc tấn công ở các mặt trận Nga và Bắc-Phi.

Hai quân cảng Anh Darwin (ở Úc) và Moresby (ở Nouvelle Guinée) bị phi cơ Nhật đánh phá luôn luôn từ 13 Juin đến 3 Juillet. Hải quân Nhật công kích quần đảo Aleoutiennes, đổ bộ ở nhiều đảo : Attu, Kiska 25 Juin) và tiến thẳng vào giải đất Alaska, đánh đảo Vancouver giáp bờ biển phía bắc nước Mỹ. Nhật công bố muốn tỏ cho Mỹ biết rằng dân Mỹ rất có thể bị uy hiếp ngay trên đất mình, và cần phải có một đội quân trên đất của họ.

Nhờ có sự thắng trận của Nhật từ trước đến nay ở Thái-Bình-Dương nên Đức, Ý mới có kết quả tốt ở Phi-châu và ở Nga. Mỹ vẫn dè dặt việc gửi chiến-cụ giúp Nga, và các tiểu quốc Anh (Nam, Phi và Úc) đã vội vàng gọi quân về nước.

Trên các mặt trận khác, Nhật đều ngừng hoạt động và tập trung lực lượng vào chiến-tuyến Trung-Hoa để diệt chính - phủ Trùng - Khánh. Tưởng-giới-Thạch bị đại bại. Các lộ quân lần lượt bị phá vỡ ở Chiết-giang, Giang-tây, Quảng-đông, Hồ-nam, Hồ-bắc. Con đường xe lửa Chiết giang — Giang-tây, đường sinh lộ của quân đội Trùng-Khánh đã bị chiếm cứ từ 29 Juin. Vừa có tin ba chị em họ Tống đáp phi cơ thân sang Mỹ để cầu cứu chính phủ Mỹ : kết quả sẽ mong manh lắm vì Mỹ còn phải cứu Anh ở Ai-cập. Có lẽ chỉ nay mai là Trùng-Khánh bị kiệt quệ. Các Hoa-kiều ở Đông-dương đã đánh điện cho Tưởng yêu cầu giảng hòa với Nhật.

Ô-tô, nhà lầu... cái mộng đó sẽ thành sự thực neu các ngài bỏ 1$00 mua

VÉ SỐ SỐ ĐÔNG-DƯƠNG

Ở Pháp

Công việc cấp bách và rất đỗi khó khăn mà chính-phủ phải làm là việc cung cấp lương thực cho dân-chúng.

Sau khi đã thỏa thuận với các nhà đương chức Đức, chính-phủ Pháp quyết định việc mộ các thợ đưa sang Đức để thay chân những tù binh làm nghề nông được về nước.

Hôm 27 Juin, thủ-tướng Laval đã đọc diễn văn để tuyên bố chính sách hợp tác kinh-tế với nước Đức và kêu gọi lòng ái-quốc của dân thợ Pháp, yêu cầu họ sang làm việc ở bên Đức. Có tin ông Leroy-Ladurie, tổng-trưởng bộ Canh nông và Cấp lương sẽ sang Đức, có lẽ cũng để dàm phán về việc trên.

Việc mộ các thợ thuyền sang làm việc bên Đức đương bắt đầu tiến hành. Tiếng gọi của Thủ-tướng đã được hưởng ứng nhiệt liệt. Có rất nhiều phụ-nữ cũng tình nguyện xin đi để mong được gần gụi chồng con đương phải giữ làm tù binh.

Ở Đông-Dương

Đông-dương vẫn sống một cuộc đời yên tĩnh.

Chính-phủ Trùng-Khánh đang ở vào tình thế nguy ngập. Việc đi lại của phi cơ Mỹ (giúp Tầu) trên địa phận Bắc-Kỳ đã thấy thưa lắm. Trong gần 2 tháng nay chỉ báo động có một lần vào hôm 4 Juillet.

Chính-phủ Đông-dương đang truy nã ráo riết những kẻ đầu cơ làm tăng giá hàng quá đáng. Sau vụ An-Po, gần đây một người Ấn-Độ bị 2 năm tù và 1 triệu quan tiền phạt, một người Nam, ông Đại-Hưng 1 năm tù và 1 triệu quan (1) về việc đó.

Ở Dalat, quan Toàn-Quyền đang hội thương với các vị Thủ-Hiến để bàn về việc cải cách các hội đồng dân biểu ở Đông-dương. Hội-nghị Liên-Bang cũng sẽ họp để thảo luận về việc đó.

Ở Hanoi, chính-phủ đang dự định một chương trình vĩ đại sửa sang thành phố, mở rộng theo con đường chu-vi, và chia thành phố thành nhiều khu đặc biệt khác nhau.

Viết ngày 14 Juillet 1942

V. H.

(1) *Tức là 300.000 đồng bạc: nhân với 3 và chia với 10).*

Kính cáo các bạn đọc.

Báo kỳ này ra chậm mất mấy hôm vì thợ nhà in nghỉ nhiều quá. Vậy xin các bạn đọc lượng thứ.

T. N.

«TỦ SÁCH TRÍ THỨC»

Thâu gồm những cái gì ĐẸP và THUẬT của THƠ VĂN. Ba tháng xuất bản một tác phẩm của những thi-sĩ, văn sĩ có chân tài, danh tiếng.

Đầu tháng Août sẽ phát hành :

THƠ HÀN MẶC TỬ

những bài thơ chọn lọc của nhà thi-sĩ thiên tài mà cái chết đã làm sôi nổi dư luận thi giới và văn giới Việt-Nam.

Họa-sĩ PHẠM TỦ trình bày và minh họa

Có in riêng những bản giấy tốt cho các bạn thích chơi sách đẹp.

Nhà xuất bản ĐÔNG-PHƯƠNG

151, Henri d'Orléans, Hanoi

Saigon 227 P. Blanchy

Giám-đốc : LÊ HỮU-PHƯƠNG

ĐÃ IN XONG, SẮP CÓ BÁN

Thằng Phượng

TIỂU-THUYẾT GIÁO-DỤC CỦA

NGUYỄN-ĐỨC-QUỲNH

Một thiên truyện dài tiếp vào cuốn « THẰNG CU SO » tả cặn kẽ đời một đứa trẻ nhà quê, khoảng ba bốn mươi năm trước đây, đã sống ra sao, đã nghĩ ra sao, đã được dạy dỗ ra sao, khiến người đọc đều nhận thấy ít nhiều cái dĩ vãng của mình được tác-giả thuật lại rất tinh vi, đều cảm thấy ít nhiều cái thời thơ ấu của mình được tác-giả khéo làm sống lại rất linh-hoạt.

Hàn-Thuyên xuất bản cục

71, Phố Tiên-Tsin — HANOI

ĐỌC SÁCH MỚI

Dũng kim *nghệ thuật sống*, Đời Mới — Phùng nguyên *Thanh-niên trước thế giới mới*, Tân-Việt — Nguyễn Khắc Hiếu, *Tản đà tản văn*, Hương-Sơn — Huy Cận *Kinh cầu tự*, Mới.

■

NHỮNG cuộc thay-đổi lớn lao, những sự tàn-phá ghê gớm ở trên thế giới trong gần ba năm vừa qua cũng có một chút ảnh hưởng đến tinh thần người Việt-nam. Chúng ta bắt đầu thấy lo-ngại, chúng ta bắt đầu để tâm suy nghĩ. Những lối văn nông-nổi, nhẹ-nhàng đã bắt đầu nhường chỗ cho các tác-phẩm về tư-tưởng. Không bao giờ công-chúng ưa đọc sách ham mê đọc sách như lúc này: cứ hỏi những nhà xuất-bản thì rõ...

Những vấn đề mà nhân loại băn khoăn trong bao nhiêu thế kỷ nay lại đem ra bàn: ý nghĩa của cuộc đời là thế nào? Thái-độ của ta lúc này phải ra sao?

— Trong quyển *nghệ thuật sống* ông Dũng-kim có cái thiện ý dậy người ta những phương-pháp có thể làm cho cuộc đời của ta thêm hoàn toàn. Tên sách của ông làm tôi nhớ đến một tác phẩm của André maurois. Nhưng nhà văn Pháp nhũn-nhặn hơn nên chỉ muốn hiến các độc giả « *một* nghệ thuật sống » (Un art de vivre (1) mà không dám tự phụ rằng nghệ-thuật sống của mình có một giá trị tuyệt đối Ô. Dũng Kim cả quyết hơn. Mà sự cả quyết đó cũng có lý vì những điều ông bầy cho chúng ta đều là những điều mà một người thông minh vào bậc chung bình, có một nền luân lý vào bậc trung bình và không có một bệnh tật nào về thần kinh phải biết. Tuy vậy có nhiều tư tưởng, nhiều định nghĩa người ta có thể bàn cãi được mà ông phô bầy một cách quả quyết chắc chắn quá khiến tôi lắm lúc phải tự hỏi không biết ông có nhìn thấy rõ phạm vi của tư tưởng đó không. Nhất định rằng: « quyển sách đáng đọc phải là phản-ảnh của sự Thực » hay hết sức mạt sát sự « thớ lợ » trong việc xã giao thì kể cũng không được chín chắn lắm.

Văn của ông không được chau chuốt còn dùng nhiều tiếng « lóng » mà người có học thức không hiểu như những chữ « làm tiền » « già giơ » vân vân... Và ông có một điều lầm lỗi lớn là không để ý đến những câu dịch ở pháp-văn ra, có lúc nhầm nghĩa, có lúc không biết nghĩa. Câu của Montesquieu: « Le défaut de réflexion fait plus de tort que le défaut de savoir » mà ông dịch là. « Biết nhiều mà không suy sét *có lỗi* hơn là biết ít » thì kể không đúng nghĩa chut nào. Nhiều người vì thế có thể ngờ cái giá trị của tac-phẩm của ông.

— Nhà xuất-bản Tân-Việt cho ấu-hành một «loại sách dịch ». Quyển « *Thanh niên trước thế giới mới* » chính là ông Phùng nguyên dịch một cuốn sách nhỏ của André Maurois. Nhà văn Pháp đó lúc này được nhiều người nói tới vì tư-tưởng của ông ta dan dị bình thường, thiếu bề thâm trầm nhưng dễ đem thực-hành, phù hợp với tâm hồn người Việt-Nam không ưa và không hiểu nhưng triết lý cao xa. Trong khi viết mấy dòng nay tôi không có trong tay nguyên văn chữ pháp để đối chiếu nên không thể nói được rằng văn dịch có đúng hẳn không; có một điều tôi nhận ra rằng văn dịch không thoát được lối đặt-câu của Pháp-văn lắm chỗ trúc-trắc lạ lùng. Dịch như thế là thất-sách vì một quyển sách như của ông P. N cốt để những người không biết chữ Pháp đọc; những người đó tất phải bở ngỡ vì câu văn họ đọc không còn là một câu văn Việt-Nam nữa. Vả trong quyển sách của Ô. P. N. có nhiều chỗ cần phải dẫn-giải. Những tên Gœthe, Kipling, Shakespeare chẳng gợi trong trí của độc giả không biết Pháp-Văn một tư tưởng một hình ảnh chi cả. Sự đó rất có hại cho sự hiểu biết tác-phẩm.

— Đọc những văn luận-thuyết của các nhà văn mới bây giờ rồi đọc lại tản-văn của Nguyễn khắc Hiếu ta phải lấy làm kinh ngạc vì cái lý-luận chặt chẽ của nhà nho Tản Đà. Tuy tư-tưởng, đối với một độc-giả ngày nay, chẳng có chi thâm trầm mới lạ nhưng Nguyễn khắc Hiếu vốn là thi sĩ nên trong câu văn có nhiều « tượng hình » thú vị làm ý nghĩa nổi bật hẳn lên. Mà ta cũng không trách được sự tầm thường của tư tưởng Tản đà vì ở thời đó sự kiến thức của nhà văn nước ta còn hẹp hòi lắm. Một ông Phạm Quỳnh mà hồi đó còn quả quyết rằng văn vần « không đem ra diễn được những tư-tưởng có triết lý » thì đủ biết trình độ tư tưởng của ta như thế nào (trong bài tựa Tản đà tản văn).

— *Kinh cầu tự* của Huy Cận gồm những tư-tưởng nho nhỏ của một thi sĩ ca tụng cái vui sáng tác. Cũng như một người đàn bà không con ngày đêm tụng niệm để có người nối dõi, thi sĩ cũng cầu khẩn để có thể « sáng tác » luôn luôn. Tác phẩm này có giá trị, chính vì những « tượng hình » của thi-sĩ dùng để ca tụng cái vui sáng tác.

L. H. V.

(1) Grasset André Maurois un art de vivre.

Thống chế PÉTAIN đã nói:

« Nước Pháp tin cậy vào bản-chức chưa phải là đủ; nước Pháp cần phải tin vào sức của toàn dân. Và mỗi người Pháp phải giúp đỡ bản-chức một tay»

KIM VÂN KIỀU TRUYỆN VỚI SÁCH TÀI-TỬ

(tiếp theo T. N. số 9)

Trước kia ông H. maspero, Viện-trưởng viện viễn-đông bác-cổ ở Hanoi, cho rằng những lời bình luận ở sách ấy là của Phạm-quí-Thích. người ta sở dĩ lầm tưởng của Thánh-thán là bởi bản chép tay sách ấy trên sách có chữ *Quán-hoa đường bình-luận*. Thực ra thì chỉ có chữ *Hoa đường* là Phạm-Quí-Thích (Quí-Thích quê ở làng Hoa-đường), rồi người chép sách nào đó, vì quá thông thái mà thêm vào chữ *Quán* cho đúng với tên thư-viện của Thánh-thán (1). Câu chuyện viết sai đó chỉ là H. Maspero chưa được thấy bản in sách Kim-vân-Kiều-truyện mà tưởng tượng ra ngày nay chúng ta may mắn hơn ông, được thấy hai bản in Kim-vân-Kiều-truyện khác nhau (2) nên chúng ta biết rằng sách ấy vốn người Trung-Quốc đề la của *Quán-hoa-đường bình-luận* và chua thêm mấy chữ Thánh-thán ngoại-thư.

Ông Dương-Quảng-Hàm trong bài « nguồn gốc truyện Kiều » (3) đã nhận rằng sách ấy xuất bản ở Trung-Quốc, nhưng ông lại quả quyết rằng lời bình luận trong sách ấy là của Kim Thánh-thán. Trên kia tôi đã dẫn ba lẽ khiến tôi tin chắc rằng ở đây, cũng như ở sách Tam-Quốc-chí diễn nghĩa, hay sách Thánh-thán phi tuyền Đường-thi, cái tên Thánh-thán chỉ là mạo thác để làm « quảng cáo » cho sách mà thôi. Mấy lâu chúng ta vẫn trúng quảng thuật cáo ấy mà gán cho Thành-thán nhiều thứ sách ông không từng dính dáng. Muốn tránh oan cho ông ta nên xét rõ chân giá trị của sách chứ đừng nên cứ thấy nhãn hiệu là tin hàng.

ĐÀO DUY-ANH

(1) Quán-hoa-đường là tên thư-viện của Thánh-thán.

(2) Bản tôi được xem năm ngoái là bản của ông Nguyễn-Đức-Nguyên; còn bản thứ hai là của ông Lê-thước tôi mới mượn được. Hai bản đều là in ở Trung Quốc, khổ sách, số tranh, mặt mũi mỗi trang. đều giống hệt nhau, duy bản sau có nhiều chữ sai hơn bản trước chắc là do bản trước mà khắc lại.

(3) Tri-Tân số 4, năm 1941.

VŨ NGỌC-PHAN, LĂNG-NHÂN PHÙNG TẤT-ĐẮC, TRỌNG-LANG, HUY-CẬN, XUÂN-DIỆU, TRẦN THANH-MẠI, THANH-TỊNH, ĐỖ ĐỨC-THU, MẠNH PHÚ-TỨ, TÔ-HOÀI.

trong một nhà xuất bản giá trị nhất hiện thời :

«MỚI»

GIÁM ĐỐC :

LÊ VĂN-DỰ

57, Phúc-Kiến, Hà-nội

Tất cả tinh-hoa của văn chương Việt-Nam hiện đại.

ĐÃ CÓ BÁN :

Làm tiền

phóng sự, của TRỌNG-LANG

Với ngòi bút phóng sự rất sâu sắc, vừa trào lộng, vừa răn đời, Trọng-Lang đem ra ánh sáng, đủ các mánh khóe làm tiền của nhiều hạng người trong xã-hội.

CÓ KÈM MỘT TRANG TỰ TÍCH CỦA TÁC GIẢ

Giá : 1p.20

ĐANG IN :

CHUYỆN VÔ LÝ

phiếm luận của Lăng-Nhân

PHÙNG TẤT-ĐẮC tác giả TRƯỚC ĐÈN

QUÊ NGƯỜI

tiểu thuyết dài đầu tay của TÔ-HOÀI

Dưới bút tác giả, tất cả cái xã-hội lố lĩnh, đáng thương ở nơi bờ tre đồng lúa được phác họa rất tinh tế, rất cặn kẽ.

KỶ - NIỆM PHAN - THIẾT

(*Tiếp theo trang 14*)

Bể Phan-thiết trong sáng dưới gió nhẹ. Quay lại trông trường Thể-dục càng xa. Từ biệt đồi đất đỏ, những buổi sáng ca vui dưới ánh nắng ..

Tới ga/ Ga, đất cổ điển của phân ly. Trong khi vội-vã khuân vác bồ, hòm, va-ly, trong khi len-lỏi qua những đám đông để gửi hàng, để lên tầu xếp đặt đồ-đạc, trong những rộn-rã khi bắt tay, khi kêu gọi bạn ở lại, tôi không biết lòng tôi vui hay buồn. Tôi chỉ biết tôi đã được về nhà. Tầu chuyển bánh, rồi Phan-thiết với cái lầu lọc nước của nó chốc lát đã lùi tới chân giời. Này những cánh đồng khô khan đất trắng, những nhà cửa cũng trắng mốc khô khan. Rồi đến ga Mường-Mán, rồi con đường sắt chạy qua những khoảng rộng cây trơ cành mầu vàng héo.

Tới gần Tourcham, nhìn qua cửa sổ toa tầu về phía Nam thấy những dẫy núi dầy và cao che lấp cả chân mây. Sau dặng núi ấy là Phan-thiết, trước dặng núi ấy là tôi. Phan-thiết hỗng trở nên xa-xôi như ở một thế giới riêng...

Rồi đêm ấy trên bãi biển Nha-trang yên tĩnh, rồi những vũng bể đẹp ở Cap Varella, thuyền trắng trên nước xanh mầu da, giời dưới chân núi xanh mầu lá cây; rồi mây trên đèo Hải-vân, sóng sô rào-rào vào những mỏm đá xám và nâu, hùng tráng trong cô-đơn. Chúng tôi đã qua những xứ-sở khô khan, tới những khí-hậu êm dịu hơn, đã thấy cây cối xanh tươi, đồng ruộng bát-ngát đầy sinh khí, bướm vàng rỡn nhau trên cỏ và cò trắng thẳng cánh bay về nẻo làng mạc xa.

Rồi này Huế thi vị đơn sơ và cổ kính. Huế với tiếng hát của ca nữ trên sông Hương, tiếng đàn, tiếng nhị tản trong đêm giăng êm, tiếng gọi đò, gọi khách, những xóm quê trong tỉnh thành, những thiếu nữ mặc áo trắng che mặt dưới chiếc nón xinh... Rồi này những phong cảnh quen thuộc của Bắc-kỳ : Ninh-Bình, Nam-định... Đến nhà ta rồi! Cột vô tuyến điện cao, nóc nhà thờ Hà-nội. Trên xe lửa bước xuống, anh em, bạn hữu đón niềm nở. Ra khỏi ga, thấy phố xá Hà-thành vẫn giữ vẻ xưa. Tôi đã về tới nơi mà buổi nọ tôi từ giã. Tôi lại hít không khí cũ. tôi đã trở về quê hương. Giời vẩn mây của Hà-nội, những ức tường cũ, những hạt mưa lác-đác rơi.

Trở lại cái buồng sách nhỏ yêu quý, buồng ch học-sinh bên cạnh cửa sổ trông ra đường, tiếng hàng quà rổng rao dưới phố, tiếng sáo nấy đứa trẻ lang-thang, tiếng leng-keng của điện chạy... Mọi vật vẫn giữ bộ mặt xưa không thay đổi. Ra ngoài đường gặp bạn-bè : « Ồ ! đã về rồi ! Vừa đi ngày nào ! » Vừa đi ngày nào ! Phan-thiết chỉ là một khoảnh-khắc.

Một tập ảnh, một tập cảm-giác rời-rạc, kỷ-niệm của một vài giờ êm-ái. Chiều nay dưới ánh sáng đèn điện (no tăng mầu trắng của tờ giấy khi xưa vàng dưới anh đèn dầu), tôi tưởng tượng tới Phan-thiết. Trên địa-đồ Phan-thiết là một chấm xa-xôi, xa-xôi quá. Tôi so-sánh giời u-ám của đất Bắc với anh nắng chan-hoa, giời xanh không gợn mây của Phan-thiết. Phan-thiết không có mùa xuân, nhưng cũng không có những ngày ủ-rột. Tôi nhớ cái sân vận-động Phan-thiết trên đó hằng ngày tôi nhẹ nhàng chạy nhảy, cái bãi bể Phan-thiết bằng-phẳng, cát mềm trên đó tôi nô rỡn với sóng, màu nước bể Phan-thiết xanh lam, có lúc hồng dưới anh chiều. Tôi nhớ giăng trong của Phan-thiết, những dặng phi lao, cái thi vị chất-phác của những chiều lặng-lẽ.

Hôm nay giời Bắc êm-dịu. Gió rì-rào trên các chòm lá xanh, lá xoan, lá bàng, lá giã-hương. Một tiếng gà gáy đâu xa. Qua cửa sổ trên đường cái, những người nhà quê gánh quẩy hàng đi qua, thong-thả không vội-vã. Cỏ xanh rì trước cửa sổ của tôi, cỏ thanh niên cỏ êm mát. Bông gạo trắng bay lượn như bướm, như tuyết trên không rồi đến đậu trên những mái nhà rêu. Đi trên chiếc cầu trắng qua sông Nhuệ, tôi lại nhớ tới cái cầu của sông Mường-Mán, và người, và cảnh của cái tỉnh xa-xôi kia lại trở về với tôi...

Ba tháng ở Phan-thiết, trên đây chút kỷ-niệm.

Avril, Mai 1942

Đ. G. TRINH

MỘT ĐIỆU HÁT CỔ VIỆT-NAM DỊU DÀNG VÀ HỒN HẬU — MỘT LỜI CA CỔ VIỆT-NAM MỘC MẠC VÀ NGHĨA LÝ — MỘT TÍNH TÌNH « THƯ-SINH » CỦA THỜI « BÚT NGHIÊN »

QUYẾT TRÍ TU THÂN

Bản thứ nhất của bộ Việt-Nam nhạc phổ gồm toàn các điệu hát cổ Việt-Nam do Nguyễn Xuân-Khoát ghi chép rất công phu

Giá 0p.40

Đã có bán tại các hiệu sách lớn.

Thư từ gửi về :

Nguyễn Xuân-Khoát

46, Richaud, Hanoi

BÁO THANH-NGHỊ

(mỗi tháng ra 2 kỳ vào những ngày 1 và 16)

Trong số 1er Août 1942

Có những bài:

— Nghệ thuật phê bình.	ĐINH GIA-TRINH
— Cuộc cải cách giáo dục ở Pháp.	VŨ ĐÌNH-HÒE
— Hiến pháp nước Thụy-Sĩ.	PHẠM TRINH-CÁN
— Từ ánh-sáng đến kiến-trúc vật-chất	NGUỴ-NHƯ KONTUM
— Lìa quê hương (Maurice Barrès và André-Gide).	DIỆU-ANH
— Cách tổ-chức vệ-sinh tại Ấn-Độ	VŨ VĂN-CẦN
— Những nguyên nhân sự tăng giá hóa-vật ở Đông-Dương	ĐỖ-ĐỨC-DỤC
— Lược khảo tiểu-thuyết Tàu.	TRẦN VĂN-GIÁP
— Đứa con *(truyện dài)*.	ĐỖ ĐỨC-THU
— Đọc sách mới.	LÊ HUY-VÂN
— Ai-Cập, kênh Suez và eo biển Dardanelles.	V. H.
— Thể lệ trước bạ những văn tự của người Nam *(bài nối và hết)*.	PHẠM GIA-KÍNH

MỚI XUẤT BẢN

DANH NHÂN VIỆT-NAM

của PHAN TRẦN CHÚC

Nhà **tân dân** *xuất bản*

trong Tủ Sách Tao Đàn

Toàn bộ 4 quyển Mới ra quyển I

Mỗi quyển bản thường: 0 $ 70

Bản đặc biệt lụa dó: 4 $ 00

Ở xa xin gửi tiền trước, thêm tiền cước mỗi quyển là 0p.30. Không gửi lĩnh hóa giao ngân. Mandat đề tên ông Vũ Đình-Long

93, Rue du Coton. — HANOI

NGUYỄN-VĂN-PHÚC

Thơ Ngọc-Bích

Những cảm súc chân thành và mãnh liệt trong tâm hồn thi sĩ đã được ghi chép bằng những lời thơ đầy nhạc điệu.

Bìa do họa-sĩ NGUYỄN HUYẾN trình bầy

Loại sách quý : 1· Giấy gió lụa Sông Thao mỗi cuốn 3p 50

2· Giấy gió lụa làng Nghè mỗi cuốn 2p.50

Hai hạng này để dành riêng cho các bạn yêu thơ đặt tiền trước.

Loại phổ thông : Giấy bản thượng hạng Giá đặc biệt mỗi cuốn 0p.70

Chỉ bán theo cách lĩnh hóa giao ngân.

Thư từ và ngân phiếu gửi về cho

Ông Nguyễn Văn-Phúc

Voie 206 bis, n· 11 Hanoi

Nguyễn Du tổng phát hành.

Directeur gérant : VŨ-ĐÌNH-HÒE Fondateur : Doãn-Kế-Thiện Imp. TRUNG-BẮC — Hanoi